



DIGITAL
TRANSFORMATION
STRATEGY
INSTITUTE

TÀI LIỆU ĐÀO TẠO

CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ TRONG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

LÊ NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

Viện trưởng
VIỆN CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ (DTSI)

05.2023

Copyright 2022 ©. All rights reserved
All designs Content and DTSI logo
are trademarks of CSCSI Group

www.dtsi.org.vn



PHẦN 1

CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

Sự dịch chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số

Chính phủ điện tử

Chính phủ điện tử là **Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông** nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Ở mức độ phát triển này, **Chính phủ tập trung vào việc số hoá các nguồn tài nguyên, ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hoá quy trình nghiệp vụ đã có** nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tập trung cung cấp dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.



Chính phủ số

Chính phủ số là chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

Đây là giai đoạn phát triển cao hơn của Chính phủ điện tử, phản ánh mức độ trưởng thành hơn về chuyển đổi số trong Chính phủ. Ở mức độ phát triển này, Chính phủ hoạt động, vận hành, ban hành chính sách, đưa ra quyết định chỉ đạo điều hành và cung cấp các dịch vụ số một cách chủ động theo nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, tối ưu dựa trên năng lực khai thác và phân tích dữ liệu, trú trọng tới cung cấp dịch vụ chất lượng, thiết kế và vận hành tổ chức tốt hơn; tối ưu hóa nguồn lực; kiến tạo phát triển và giải quyết những vấn đề lớn của quốc gia trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội. Để tiến tới mức độ phát triển này, cơ quan nhà nước các cấp tiên phong ứng dụng công nghệ số, từng bước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở. Hoạt động này cũng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. Chính phủ điện tử chủ yếu sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông để tin học hoá quy trình nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Chính phủ số sử dụng dữ liệu số, công nghệ số (bao gồm công nghệ thông tin - truyền thông và các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, điện toán đám mây, IoT,...) để đưa toàn bộ hoạt động lên môi trường số và tối ưu hoạt động, tạo ra phương thức làm việc mới, cung cấp dịch vụ mới, giải quyết các bài toán lớn của quốc gia.

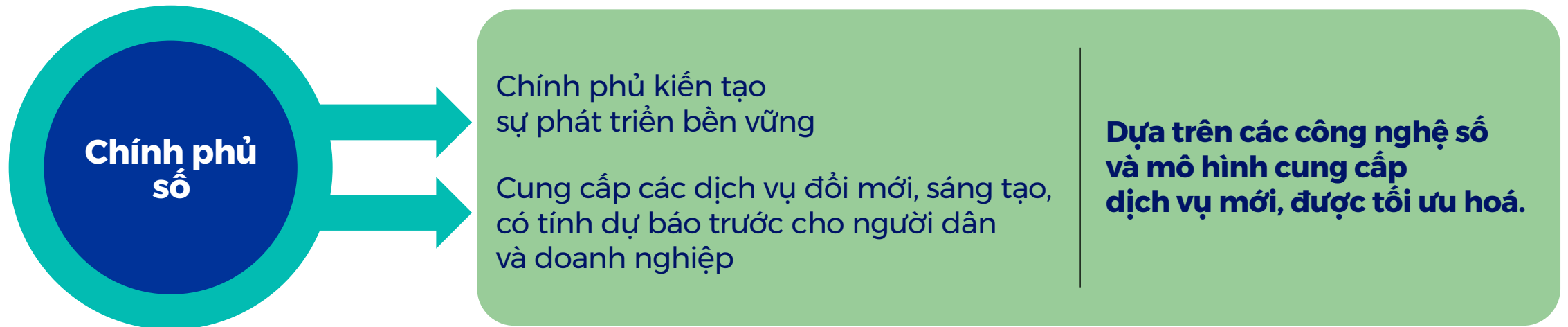
Chính phủ số

Chính phủ số có những đặc điểm căn bản sau:

- Chính phủ như là một nền tảng (Government as a Platform);
- Tích hợp đa kênh trực tuyến và trực tiếp trong việc cung cấp dịch vụ;
- Khả năng linh hoạt, nhanh chóng cung cấp dịch vụ mới;
- Cho phép sự tham gia nhiều hơn của người dân, của doanh nghiệp;
- Dữ liệu là trung tâm;
- Phát triển kỹ năng số;
- Ứng dụng công nghệ mới.

Chính phủ thông minh

Ở mức độ phát triển này, Chính phủ kiến tạo sự phát triển bền vững, cung cấp các dịch vụ đổi mới, sáng tạo, có tính dự báo trước cho người dân và doanh nghiệp dựa trên các công nghệ số và mô hình cung cấp dịch vụ mới, được tối ưu hoá.



So sánh tổng quan giữa Chính phủ điện tử và Chính phủ số

Về khái niệm

Chính phủ điện tử

Chính phủ điện tử là Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Chính phủ số

Chính phủ số là chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

So sánh tổng quan giữa Chính phủ điện tử và Chính phủ số

Về hoạt động

Chính phủ điện tử

Chính phủ điện tử tập trung tin học hóa quy trình nghiệp vụ đã có để cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

Chính phủ số

Chính phủ số chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số, cung cấp dịch vụ chất lượng hơn dựa trên nhu cầu của người dân, cắt giảm thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ mới dựa trên việc khai thác, sử dụng sức mạnh của dữ liệu.

Chính phủ số giúp thiết kế, vận hành tổ chức tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn và giải quyết những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội. Chuyển đổi cách thức ra quyết định của cơ quan nhà nước từ dựa trên báo cáo giấy sang dựa trên dữ liệu.

So sánh tổng quan giữa Chính phủ điện tử và Chính phủ số

Về thước đo

Chính phủ điện tử

Thước đo chính của Chính phủ điện tử là số lượng dịch vụ công trực tuyến được cung cấp.

Chính phủ số

Thước đo chính của Chính phủ số là số lượng thủ tục hành chính được cắt giảm, số dịch vụ mới được cung cấp thêm, sự tham gia của tổ chức ngoài nhà nước vào cung cấp dịch vụ, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở và các vấn đề lớn của quốc gia được giải quyết tốt hơn thông qua sử dụng dữ liệu và công nghệ số.

Sự dịch chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số

Trong 20 năm qua, hầu hết các nước trên thế giới đều đã tuyên bố và triển khai các chương trình phát triển Chính phủ điện tử. Nhưng kể từ khi xuất hiện các công nghệ đột phá, được biết đến với tên gọi chung là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tiến trình chuyển đổi hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức lên môi trường số một cách toàn diện mới thực sự có cơ hội tăng tốc, bứt phá. Nhiều nước trên thế giới sớm nhận ra xu hướng này và nhanh chóng có những hành động cụ thể.

Sự dịch chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số

Thứ nhất là:

Xu hướng chuyển sang Chính phủ số không phải vì kết thúc phát triển Chính phủ điện tử, mà nhờ việc xuất hiện các công nghệ đột phá, nên tiến trình chuyển đổi số có cơ hội bứt phá, diễn ra nhanh hơn.

Thứ hai là:

Tất cả các bản chiến lược của các nước đều có khoảng thời gian là 05 năm hoặc ngắn hơn. Do ý thức được sự thay đổi nhanh chóng về mặt công nghệ, chiến lược của các nước đều nhấn mạnh đến khả năng thay đổi, thích ứng linh hoạt.

Thứ ba là:

Trong sự chuyển dịch từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số, các nước đều nhấn mạnh đến vai trò của dữ liệu như là “dầu mỏ”, là “năng lượng” tạo động lực cho sự chuyển đổi và chú trọng phân tích dữ liệu và tận dụng hiệu quả các công nghệ số. Phân tích dữ liệu, dựa trên dữ liệu và công nghệ số để thiết kế, chuyển đổi mô hình hoạt động, phương thức vận hành và cung cấp dịch vụ theo hướng tối ưu, chất lượng hơn, ra quyết định linh hoạt, kịp thời hơn, tối ưu hóa nguồn lực quốc gia, giải quyết những vấn đề lớn mang tính quốc gia để nâng cao đời sống người dân, bảo đảm an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội.

Sự dịch chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số

Xu hướng chuyển đổi số là xu hướng lớn, xảy ra trên bình diện thế giới, mang tính không thể đảo ngược, nhất là với bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn rất phức tạp, càng thúc đẩy các quốc gia chuyển đổi mạnh mẽ hơn.

Quốc gia nào kịp thời nắm bắt, đi nhanh, đi trước sẽ thu được lợi ích lớn hơn, đi trước những quốc gia còn chần chừ. Vì vậy, việc phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ở nước ta có tầm quan trọng đặc biệt, mang lại hiệu ứng lan tỏa, đẩy nhanh tiến trình cải cách, dẫn dắt chuyển đổi số, kiến tạo phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số để xây dựng đất nước phát triển, thịnh vượng.



Các trụ cột quan trọng của Chính phủ số

Báo cáo xếp hạng Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử năm 2020 của Liên Hợp Quốc đã phân tích các nội dung phát triển Chính phủ số của các nước và tổng hợp có 09 trụ cột chính để phát triển Chính phủ số, bao gồm:

- 01 Tầm nhìn, lãnh đạo, tư duy đổi mới
- 02 Khung pháp lý, thể chế
- 03 Tổ chức và văn hoá
- 04 Tư duy hệ thống
- 05 Quản trị dữ liệu
- 06 Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông
- 07 Các nguồn lực
- 08 Năng lực của các tổ chức đào tạo
- 09 Năng lực xã hội

Các trụ cột quan trọng của Chính phủ số

01	Tầm nhìn, lãnh đạo, tư duy đổi mới	Nâng cao khả năng lãnh đạo chuyển đổi số, thay đổi tư duy, năng lực chuyển đổi số đến từng cá nhân; có chiến lược phát triển Chính phủ số gắn liền với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.
02	Khung pháp lý, thể chế	Phát triển môi trường pháp lý gồm cả khung pháp lý đầy đủ cho Chính phủ số và khung pháp lý thử nghiệm chính sách.
03	Tổ chức và văn hoá	Chuyển đổi mô hình tổ chức, thiết lập sứ mệnh, hình thành văn hoá, bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số.
04	Tư duy hệ thống	Thúc đẩy tư duy hệ thống và phát triển cách tiếp cận tổng thể trong quá trình hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ.
05	Quản trị dữ liệu	Bảo đảm quá trình ra quyết định dựa trên dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở để phát triển kinh tế - xã hội.
06	Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông	Xây dựng hạ tầng kết nối băng rộng, sử dụng công nghệ tiên tiến; bảo đảm kết nối, liên thông, an toàn an ninh mạng.
07	Các nguồn lực	Huy động các nguồn lực phù hợp với các kế hoạch, mức độ ưu tiên, bao gồm cả hình thức đối tác công tư để phát triển Chính phủ số.
08	Năng lực của các tổ chức đào tạo	Nâng cao năng lực của các tổ chức đào tạo hành chính công để bảo đảm phát triển nhân lực cho Chính phủ số.
09	Năng lực xã hội	Phát triển kỹ năng số cho người dân để không ai bị bỏ lại phía sau, giảm khoảng cách số.

Một số xu hướng trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số

A

Thu thập dữ liệu một lần (Once only):

Thu thập dữ liệu một lần có nghĩa là người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp một lần đối với một loại thông tin/dữ liệu cho một cơ quan hành chính nhà nước. Điều này thúc đẩy việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp khi cung cấp các thông tin cho cơ quan nhà nước.

Quốc gia điển hình đưa ra sáng kiến này là Estonia, được thể hiện trong Luật về Thông tin công cộng (Public Information Act) từ năm 2007. Nguyên tắc này được coi như kim chỉ nam trong việc triển khai Chính phủ điện tử tại Estonia. Hiện nay, nguyên tắc này đã được cộng đồng Châu Âu áp dụng rộng rãi và chính thức đưa vào Kế hoạch triển khai tại các nước Châu Âu giai đoạn 2016-2020. Trong khối Châu Âu, nhiều giải pháp đã được đưa ra xung quanh nguyên tắc “chỉ một lần/once only” nhằm mục tiêu hợp lý hoá việc sử dụng các nguồn dữ liệu xác thực và thúc đẩy giao tiếp giữa các hệ thống CNTT khác nhau của các cơ quan hành chính. Cách tiếp cận này dự kiến sẽ tiết kiệm được khoảng 5 tỷ Euro mỗi năm trên toàn khối. Các lợi ích thu được bao gồm: đảm bảo kiểm soát tốt hơn dữ liệu khi dữ liệu chỉ được cung cấp một lần, giảm sai sót và sai lệch; giúp các cơ quan nhà nước làm việc nhanh hơn, minh bạch và hiệu quả hơn, qua đó tiết kiệm chi phí; giảm thiểu gian lận thông qua việc sử dụng thông tin thống nhất, theo thuộc thẩm quyền.

Một số xu hướng trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số

B

Bảo vệ dữ liệu cá nhân:

Trong quá trình chia sẻ dữ liệu khi cung cấp các dịch vụ Chính phủ số, việc bảo mật dữ liệu cá nhân là đặc biệt quan trọng, tạo lòng tin cho người dân sử dụng dịch vụ. Tại các quốc gia phát triển, đặc biệt là ở châu Âu, Luật về bảo mật thông tin đã được ban hành thống nhất từ tháng 5/2018 trên toàn bộ 28 quốc gia và là quy định bắt buộc mọi công ty hoạt động tại châu Âu phải tuân thủ.

Một số xu hướng trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số

C

Ứng dụng điện toán đám mây:

Phát triển Chính phủ số cần phải dựa trên hạ tầng, dịch vụ số đồng bộ, phù hợp. Tuy nhiên, các cơ quan Chính phủ thường rất khó khăn trong việc bố nguồn nhân lực, tài lực và thời gian để đầu tư và duy trì hạ tầng và các dịch vụ số theo nhu cầu. Ứng dụng điện toán đám mây là một giải pháp tốt giải quyết vấn đề này. Khi sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây, các cơ quan Chính phủ có thể quản lý, cấp phát tài nguyên số tập trung, linh hoạt, tối ưu, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Các dịch vụ điện toán đám mây có thể được cung cấp, duy trì bởi các doanh nghiệp chuyên nghiệp, điều này làm giảm thiểu gánh nặng về nguồn nhân lực chuyên trách về CNTT trong các chính phủ.

Đa số các quốc gia hiện nay đều đã triển khai hoặc đang có kế hoạch ứng dụng điện toán đám mây trong khu vực nhà nước quy mô quốc gia. Một số quốc gia đã triển khai xây dựng nền tảng điện toán đám mây toàn chính phủ gọi là G-Cloud, như Chính phủ Áo, Pháp, Tây Ban Nha, Thái Lan, Vương Quốc Anh và một số quốc gia khác. Mô hình phổ biến nhất bao gồm: Dịch vụ cơ sở hạ tầng (IaaS), dịch vụ nền tảng (PaaS) và dịch vụ ứng dụng (SaaS).

Một số xu hướng trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số

D

Ra quyết định dựa trên dữ liệu:

Quá trình sử dụng phân tích dữ liệu, biến tất cả dữ liệu thành thông tin có ích phục vụ chỉ đạo, điều hành, ra quyết định. Sử dụng hiệu quả dữ liệu là mối liên kết giữa quản trị và xây dựng năng lực, thông tin chi tiết về dữ liệu có thể được thu thập để cải thiện việc phân phối dịch vụ. Chẳng hạn, Chính phủ Nhật Bản có kế hoạch phát triển một hệ thống để giúp đỡ nạn nhân thiên tai bằng cách sử dụng dữ liệu lớn được thu thập từ các nguồn như Internet và dữ liệu hệ thống định vị toàn cầu từ điện thoại thông minh và thiết bị định vị xe hơi. Hệ thống sẽ cho phép các cơ quan hành chính ngay lập tức xác định các chuyển động của các nạn nhân ngay sau khi xảy ra thảm họa để đưa ra quyết định hỗ trợ, ứng phó kịp thời, hiệu quả; hay tại nước Mỹ, dữ liệu liên quan tới người dân được phân tích để theo dõi phân bố dân số theo màu da ở các vùng trên toàn nước Mỹ. Tại Boston Mỹ, dữ liệu được sử dụng để xây dựng hệ thống hỗ trợ điều hành cho Thị trường theo dõi về vấn đề an toàn trong cộng đồng (diễn biến tình hình tội phạm hàng năm, số vụ tăng/giảm; dịch chuyển dân số đến/đi khỏi thành phố theo mùa, độ tuổi,...) để có các quyết sách phù hợp, hiệu quả;

Kết luận

Có thể thấy rằng, chuyển đổi số không còn là xu hướng, mà là tất yếu, đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới ở các lĩnh vực, từ khu vực công tới khu vực tư, và toàn xã hội.

1.

Chuyển đổi số là một nội dung của cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, những đồng thời lại là yếu tố căn bản xuyên suốt các nội dung của cuộc cách mạng này. Nói cách khác, chúng có chung bản chất. Chuyển đổi số là cách phát triển, cách đi trong cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và là nội dung chính của giai đoạn phát triển này.

2.

Chuyển đổi số thúc đẩy các Nhà nước phải hiện đại hóa tổ chức và hoạt động, từ đó hình thành nên Chính phủ điện tử. Đây là Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Kết luận

3.

Thành phố thông minh và Chuyển đổi số có một số điểm tương đồng: Thành phố thông minh và Chuyển đổi số đều dựa trên công nghệ số để làm đòn bẩy và động lực thúc đẩy (Enabler); Dữ liệu số là yếu tố then chốt trong Thành phố thông minh và Chuyển đổi số.

4.

Giữa chuyển đổi số, chính phủ điện tử và đô thị thông minh có mối quan hệ biện chứng. Chuyển đổi số là điều kiện xây dựng và vận hành chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, là điều kiện để xây dựng và quản trị thành phố thông minh.

Kết luận

5.

Chuyển đổi số là tất yếu, trải qua các giai đoạn. Sự hoàn thành các giai đoạn của chuyển đổi số thể hiện sự dịch chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số. Tuy nhiên, hai quá trình này không phải tách biệt. Tùy mức độ của chuyển đổi số (các giai đoạn của chuyển đổi số) mà Chính phủ các nước cần có chiến lược xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số phù hợp, có thể đi tắt, đón đầu vừa hoàn thiện Chính phủ điện tử, vừa tạo lập các yếu tố để xây dựng Chính phủ số.

6.

Việt Nam đã và đang thực hiện chiến lược vừa hoàn thiện Chính phủ điện tử, đồng thời xây dựng Chính phủ số gắn liền với xây dựng thành phố thông minh, để đảm bảo vận hành tổng thể các giá trị của chuyển đổi số trên các phạm vi của đời sống xã hội, từ Chính phủ số, kinh tế số tới xã hội số.

Chính quyền địa phương điện tử và hoạt động của chính quyền địa phương điện tử ở nước ta hiện nay

Khái niệm chính quyền địa phương điện tử

“Chính quyền địa phương điện tử” là khái niệm được hình thành từ các khái niệm: chính quyền địa phương và Chính phủ/chính quyền điện tử.



Khái niệm chính quyền địa phương điện tử



Chính phủ điện tử:

Theo định nghĩa của Ngân hàng Thế giới (WB), chính phủ điện tử là việc các cơ quan của Chính phủ sử dụng một cách có hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông để thực hiện quan hệ với công dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Nhờ đó, giao dịch của các cơ quan thuộc Chính phủ với công dân và các tổ chức sẽ được cải thiện và nâng cao chất lượng. Lợi ích thu được chính là giảm thiểu tham nhũng, tăng cường tính công khai, sự tiện lợi, góp phần vào sự tăng trưởng và giảm chi phí.

Chính quyền điện tử:

Khái niệm chính quyền điện tử là khái niệm thành phần của Chính phủ điện tử, được sử dụng để chỉ việc triển khai Chính phủ điện tử ở các cấp chính quyền địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

Ngày nay, với sự bùng nổ của CNTT, các phương tiện di động, băng rộng, công nghệ, ... nên nhiều nước đã đẩy mạnh phát triển CQĐT đa dạng hơn, liên thông hơn dưới khái niệm chính phủ di động, chính phủ ở mọi lúc, mọi nơi và trên mọi phương diện.

Khái niệm chính quyền địa phương điện tử

“Chính quyền địa phương điện tử”

Chính quyền địa phương điện tử (CQĐPĐT) là việc các cơ quan của chính quyền địa phương sử dụng một cách có hệ thống CNTT và truyền thông để thực hiện quan hệ với công dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Nhờ đó, giao dịch của các cơ quan thuộc chính quyền địa phương với công dân và các tổ chức sẽ được cải thiện và nâng cao chất lượng. Lợi ích thu được chính là giảm thiểu tham nhũng, tăng cường tính công khai, sự tiện lợi, góp phần vào sự tăng trưởng và giảm chi phí.

Chính quyền địa phương điện tử (CQĐPĐT) không phải là khái niệm chỉ một loại chính quyền địa phương, mà để chỉ Chính phủ điện tử được triển khai tại các cấp chính quyền địa phương. Nói cách khác, CQĐPĐT là hình thức hoạt động qua môi trường điện tử của chính quyền ở địa phương theo các tiêu chí của chính phủ điện tử.

Ở nước ta, Chương trình CPĐT có mục tiêu là: Hoàn thiện nền tảng Chính phủ điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Theo đó, đối tượng của CPĐT là bộ máy hành chính nhà nước. Đây là bộ phận chiếm tỷ lệ vượt trội trong bộ máy nhà nước, đồng thời là hệ thống nòng cốt, chủ lực trong quản trị xã hội. Theo cách tiếp cận của Chương trình CPĐT, có các hạng mục cụ thể theo phân vùng thành: Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ và Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh. Như vậy, thuật ngữ “chính quyền điện tử” chỉ phạm vi Chính phủ điện tử ở cấp độ chính quyền địa phương.

Chính quyền địa phương điện tử có một số nội dung cần chú ý

CQĐPĐT được thiết lập ở các cấp chính quyền địa phương, gồm 3 cấp: tỉnh, huyện, xã. Hoạt động của CQĐPĐT để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQĐP.

Nội dung chính của CQĐPĐT là hoạt động của bộ máy nhà nước ở địa phương, trong đó cơ bản là hoạt động của khối cơ quan hành pháp.

Thiết kế CQĐPĐT tuân theo khung kiến trúc chung của kiến trúc Chính phủ điện tử được áp dụng trên phạm vi toàn quốc, để đảm bảo tính thống nhất, sự tương thích và tích hợp.

Bên cạnh đó, CQĐPĐT cũng thể hiện mối quan hệ về tổ chức và hoạt động giữa bộ máy nhà nước ở địa phương với các cơ quan khác trong hệ thống chính trị ở địa phương (như cơ quan Đảng, cơ quan đoàn thể), với cơ quan nhà nước ở Trung ương.

Chính quyền địa phương điện tử có một số nội dung cần chú ý

Khái niệm khác có liên quan là Chính quyền số. Chính quyền số là Chính quyền đưa toàn bộ hoạt động của mình lên môi trường số, không chỉ nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động mà đổi mới mô hình hoạt động, thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số và dữ liệu, cho phép doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ. **Chính quyền số là mức độ phát triển tiếp theo của Chính quyền điện tử.** Một trong những thước đo của Chính quyền điện tử là số lượng dịch vụ hành chính công trực tuyến. Một trong những thước đo của Chính quyền số là số lượng dịch vụ hành chính giảm đi, số lượng dịch vụ công mới mang tính sáng tạo phục vụ xã hội tăng lên nhờ công nghệ số và dữ liệu.

Chính quyền địa phương điện tử có một số nội dung cần chú ý

Theo Nghị quyết 52-NQ/TW, việc thực hiện Chính quyền số, khái niệm “Chính quyền” không chỉ bao gồm các cơ quan nhà nước ở địa phương như HĐND, UBND các cấp, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp,... mà còn mở rộng thêm các cơ quan Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thuộc địa phương. Như vậy, có thể hiểu phạm vi áp dụng của chính quyền điện tử, chính quyền số bao trùm cả hệ thống chính trị. Đây cũng là nét đặc thù xuất phát từ thể chế chính trị ở nước ta.

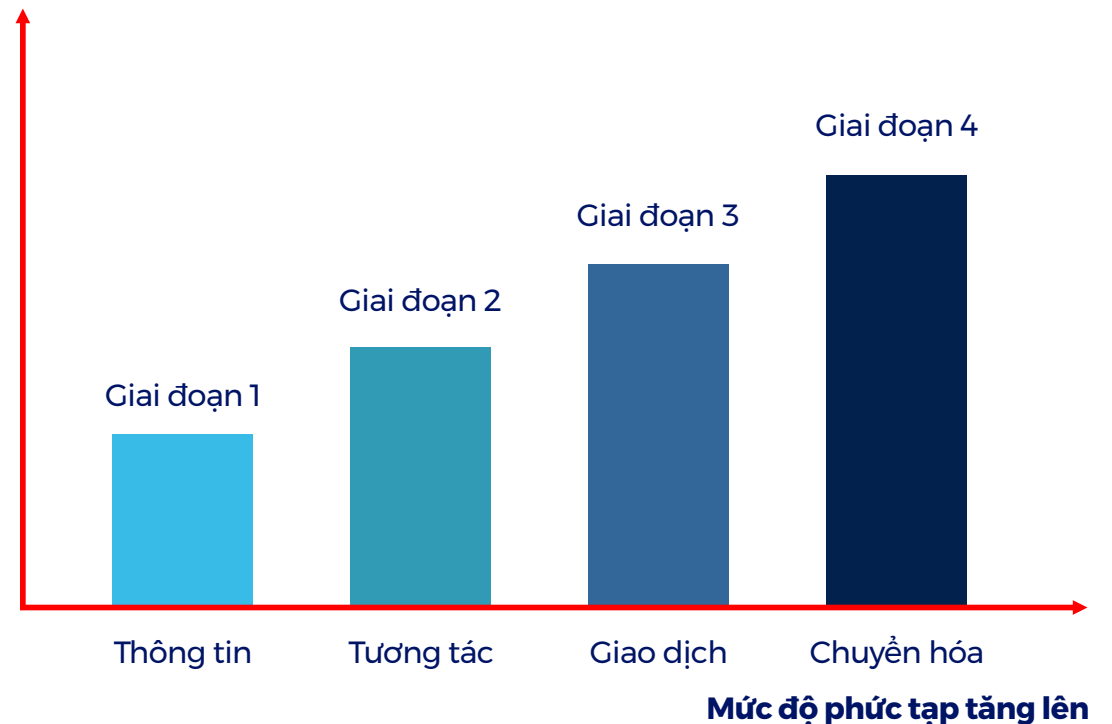
Xây dựng CQĐT là xu thế tất yếu của các địa phương trên toàn quốc. Thông qua CNTT và truyền thông, CQĐT sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường tính công khai, minh bạch của các CQHCCNN. CQĐT nhằm hướng đến cung cấp cho người dân và xã hội những dịch vụ tốt nhất, qua đó, tăng hiệu quả và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Các giai đoạn phát triển của chính quyền địa phương điện tử

Việc phát triển CQĐT trải qua một số giai đoạn khác nhau. Qua từng giai đoạn (thực hiện và duy trì), tính phức tạp ngày càng tăng thêm nhưng giá trị mà CQĐT mang lại cho người dân và doanh nghiệp được tăng lên.

Các giai đoạn của CQĐT theo mô hình của Gartner xây dựng được sử dụng rộng rãi đã chỉ ra bốn giai đoạn (hay thời kỳ) của quá trình phát triển chính phủ điện tử.

Tăng thêm giá trị
cho Doanh nghiệp và người dân



Nguồn: Gartner

Biểu đồ tăng trưởng Chính quyền điện tử

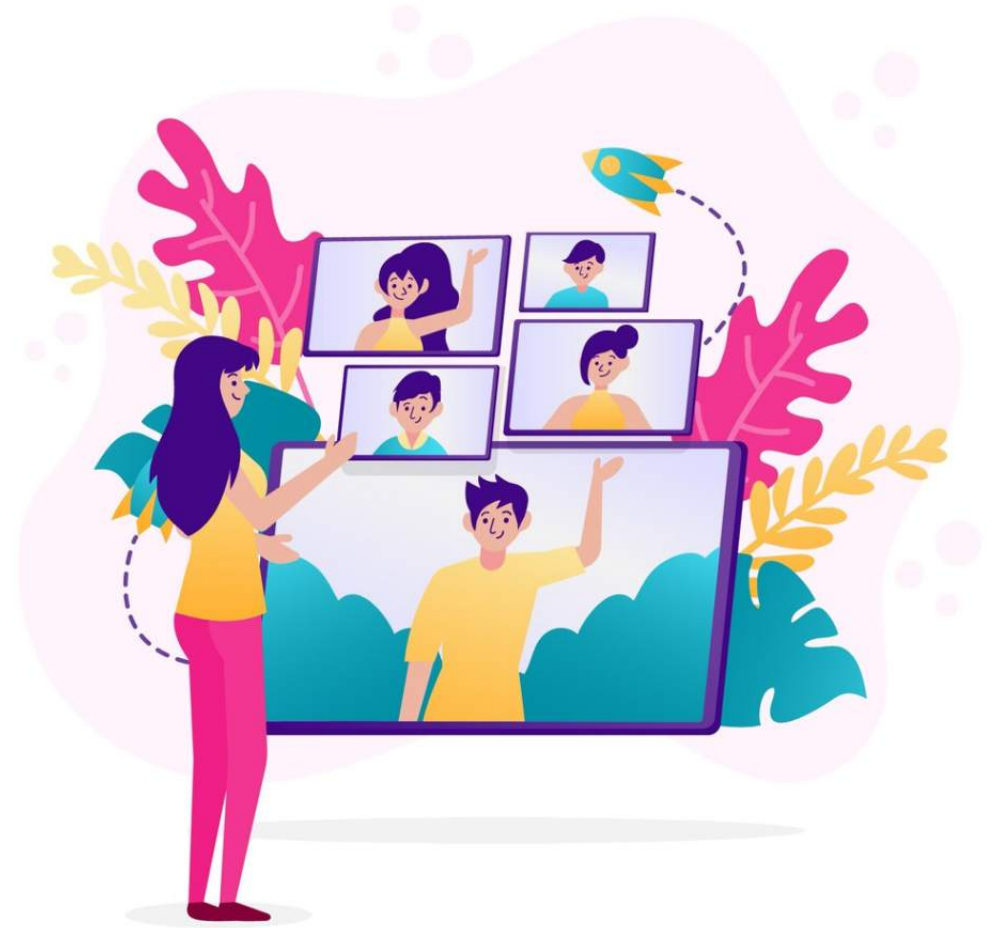
Giai đoạn 1: Thông tin

Trong giai đoạn đầu CQĐT có nghĩa là được hiện diện trên trang web và cung cấp cho công chúng các thông tin (thích hợp). Giá trị mang lại ở chỗ công chúng có thể tiếp cận được thông tin của chính quyền, các quy trình trở nên minh bạch hơn, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ. Với G2G (Nhà nước đến Nhà nước), các cơ quan chính quyền cũng có thể trao đổi thông tin với nhau bằng các phương tiện điện tử, như internet, hoặc trong mạng nội bộ.



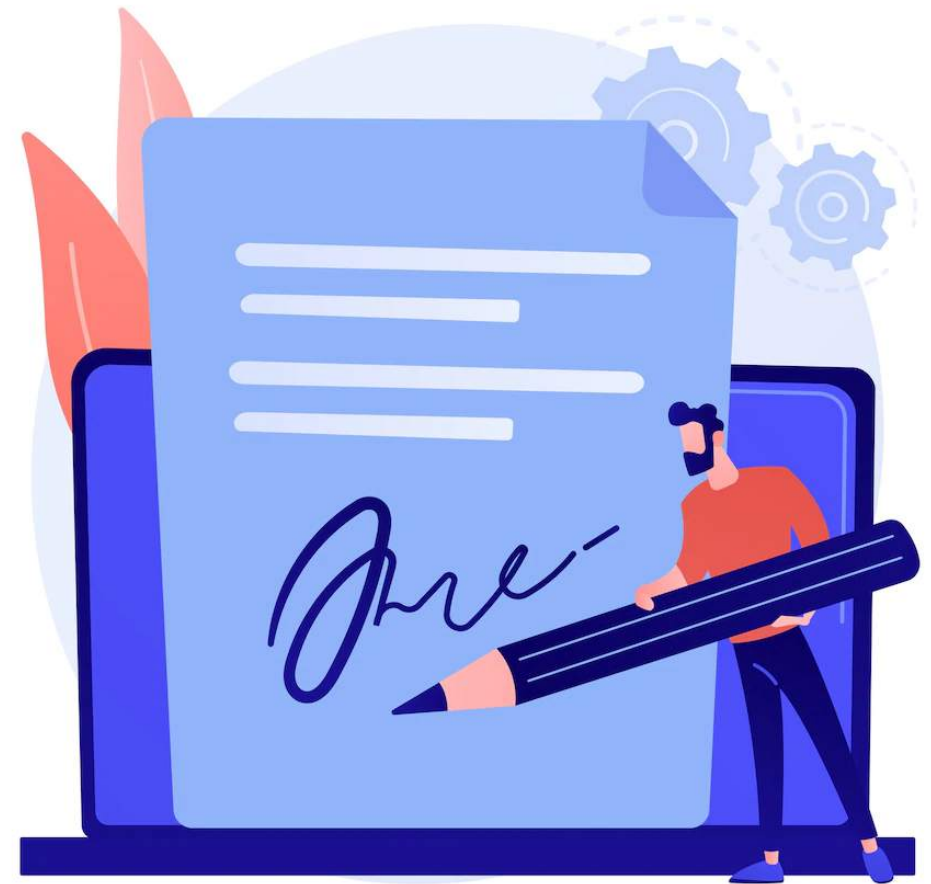
Giai đoạn 2: Tương tác

Trong giai đoạn thứ hai, sự tương tác giữa chính quyền và công dân (G2C-Nhà nước đến người dân), giữa chính quyền và doanh nghiệp (G2B - Nhà nước đến doanh nghiệp) được thông qua nhiều ứng dụng khác nhau. Người dân có thể hỏi qua thư điện tử, sử dụng các công cụ tra cứu, tải xuống các biểu mẫu và tài liệu. Các tương tác này giúp tiết kiệm thời gian. Thực tế, việc tiếp nhận đơn từ có thể thực hiện trực tuyến 24 giờ trong ngày. Thông thường, những động tác này chỉ có thể được thực hiện tại bàn tiếp dân trong giờ hành chính. Về mặt nội bộ (G2G; G2E - Nhà nước đến công chức), các tổ chức của chính quyền sử dụng mạng LAN, Internet và thư điện tử để liên lạc và trao đổi dữ liệu. Rõ ràng giai đoạn này chỉ có thể thực hiện được khi đã thực hiện cải cách hành chính (với cơ chế một cửa điện tử, cơ chế một cửa liên thông điện tử) theo tinh thần của **Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính**



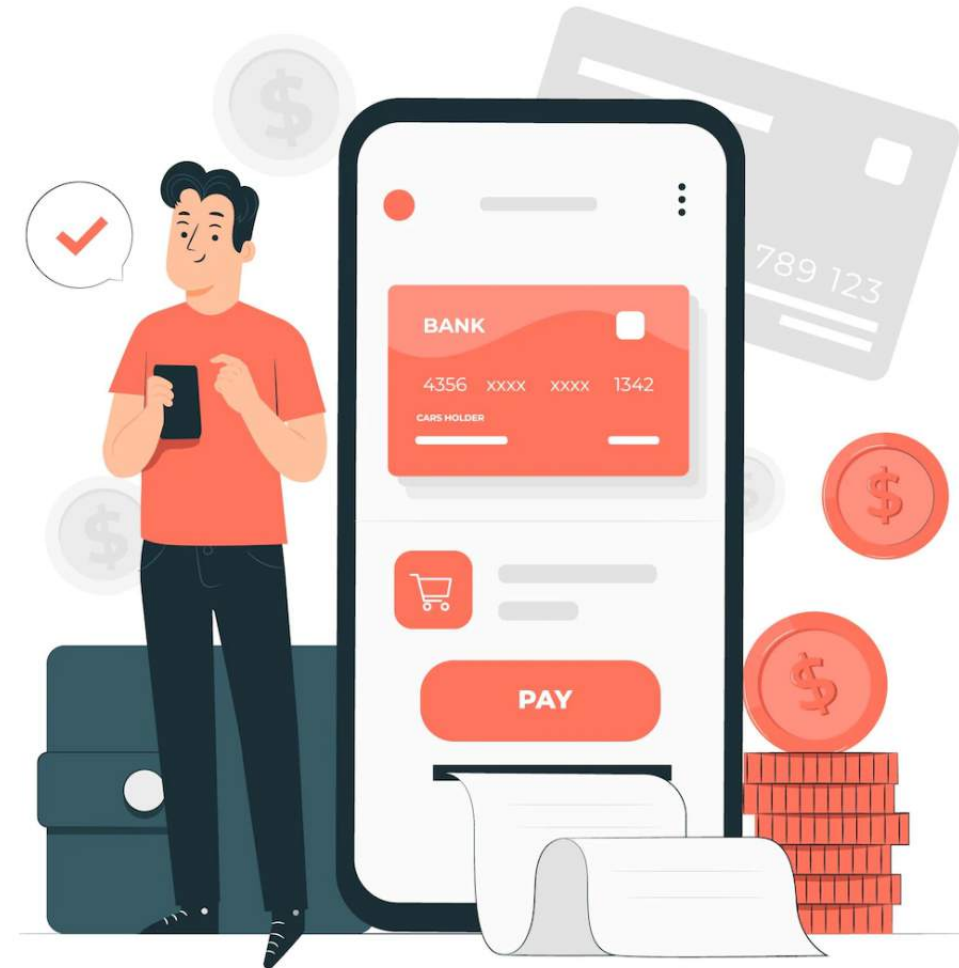
Giai đoạn 3: Giao dịch

Với giai đoạn thứ ba, tính phức tạp của công nghệ có tăng lên, nhưng giá trị của khách hàng (trong G2C và G2B) cũng tăng. Các giao dịch hoàn chỉnh có thể thực hiện mà không cần đến cơ quan hành chính. Có thể lấy ví dụ về các dịch vụ trực tuyến như: Đăng ký thuế thu nhập, đăng ký thuế tài sản, gian hạn/cấp mới giấy phép, thị thực và hộ chiếu, biểu quyết qua mạng. Giai đoạn 3 là phức tạp bởi các vấn đề an ninh và cá thể hóa, chẳng hạn như chữ ký số (chữ ký điện tử) là cần thiết để cho phép thực hiện việc chuyển giao các dịch vụ một cách hợp pháp. Về khía cạnh doanh nghiệp, CQĐT bắt đầu với các ứng dụng mua bán trực tuyến. Ở giai đoạn này, các quy trình nội bộ (G2G) phải được thiết kế lại để cung cấp dịch vụ được tốt. Chính quyền cũng cần những luật và quy chế mới để cho phép thực hiện các giao dịch không sử dụng tài liệu bằng giấy.



Giai đoạn 4: Chuyển hoá

Giai đoạn thứ tư là khi mọi hệ thống thông tin được tích hợp lại hoàn toàn, các dịch vụ điện tử không còn bị giới hạn bởi các ranh giới hành chính. Khi đó công chúng có thể hưởng các dịch vụ G2C và G2B tại một bàn giao dịch (điểm giao dịch ảo). Ở giai đoạn này, tiết kiệm chi phí, hiệu quả và đáp ứng nhu cầu khách hàng đã đạt được các mức cao nhất có thể được.



Hình thức hoạt động, mô hình giao dịch trong chính quyền địa phương điện tử

Hình thức hoạt động (Các hoạt động chủ yếu của CQĐPĐT, gồm:)

Thư điện tử (email):

Việc sử dụng email giúp tiết kiệm được chi phí và rút ngắn thời gian và công sức trong quá trình làm việc của chính phủ. Thông qua đó, chính phủ có thể dễ dàng thông báo, báo cáo đến người dân trong nước một cách nhanh chóng và kịp thời hơn. Bên cạnh đó, Chính phủ điện tử yêu cầu mỗi cá nhân trong bộ máy quản lý nhà nước phải có địa chỉ email để cùng nhau trao đổi thông tin qua mạng.

Mua sắm công:

Trong Chính phủ điện tử được thực hiện thông qua các dịch vụ trực tuyến sẽ đảm bảo tính minh bạch hơn trong việc sử dụng chi phí của chính phủ. Bên cạnh đó, nó sẽ tiết kiệm được thời gian, chi phí so với quá trình mua sắm chính phủ trước đây.

Hình thức hoạt động, mô hình giao dịch trong chính quyền địa phương điện tử

Hình thức hoạt động (Các hoạt động chủ yếu của CQĐPĐT, gồm:)

Trao đổi dữ liệu điện tử:

(Electronic Data Interchange - EDI): là truyền tải dữ liệu từ máy tính gửi sang máy tính nhận thông qua các phương tiện truyền thông điện tử. Với EDI, hầu hết các quy trình phức tạp trước đây sẽ được xử lý nhanh chóng từ máy tính: đơn đặt hàng, vận đơn, yêu cầu báo giá, báo cáo nhận hàng và các tài liệu kinh doanh điện tử,... Từ đó, sẽ giúp chính phủ tiết kiệm nhiều thời gian chi phí và tránh được nhiều sai sót. Bên cạnh đó, EDI còn mang ưu điểm vượt bậc là có tính bảo mật cao.

Tra cứu, cập nhật thông tin qua mạng:

Thông qua Internet và dịch vụ trực tuyến chính phủ có thể kịp thời và nhanh chóng cung cấp thông tin cho người dân và doanh nghiệp trong cả nước: văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội, các chủ trương chính sách Nhà nước và các hướng dẫn các thủ tục hành chính.

Hình thức hoạt động, mô hình giao dịch trong chính quyền địa phương điện tử

Mô hình giao dịch trong chính quyền địa phương điện tử

Tham gia chính phủ điện tử có 3 thực thể chính bao gồm: chính phủ, người dân và doanh nghiệp. Trên cơ sở quan hệ giữa các chủ thể trên, ta có thể phân loại CPĐT ra thành 4 loại, tương ứng với 4 dạng dịch vụ Chính phủ bao gồm:

- 01** Dịch vụ chính phủ điện tử cung cấp cho người dân (G2C- Government to Citizen)
- 02** Dịch vụ chính phủ điện tử cung cấp cho doanh nghiệp (G2B- Government to Business)
- 03** Dịch vụ chính phủ điện tử cung cấp cho cán bộ công chức để phục vụ người dân và doanh nghiệp (G2E- Government to Employee)
- 04** Dịch vụ chính phủ điện tử trao đổi giữa cơ quan trong Chính phủ với nhau và giữa các Chính phủ (G2G- Government to Government)

4 Dạng dịch vụ Chính phủ

01

Dịch vụ chính phủ điện tử cung cấp cho người dân (G2C- Government to Citizen)

Về cơ bản, G2C được hiểu như khả năng giao dịch và cung cấp dịch vụ của chính phủ trực tiếp cho người dân, ví dụ: Tổ chức bầu cử của công dân, thăm dò dư luận, quản lý quy hoạch xây dựng đô thị, tư vấn, khiếu nại, giám sát và thanh toán thuế, hoá đơn của các ngành với người thuê bao, dịch vụ thông tin trực tiếp 24x7, phục vụ công cộng cũng như hỗ trợ người dân đối với các dịch vụ cơ bản như giáo dục, chăm sóc y tế, thông tin bệnh viện, thư viện và các dạng dịch vụ khác.

Mục tiêu hàng đầu của G2C là làm giảm chi phí cung cấp các dịch vụ công, đảm bảo sự liên lạc tốt hơn giữa chính phủ với công dân. Từ đó, người dân giảm thiểu thời gian và chi phí trong quá trình thực hiện một giao dịch.

Bằng cách làm cho thông tin công khai dễ tiếp cận hơn thông qua việc thiết lập trang web, G2C tạo điều kiện cho người dân tải xuống các biểu mẫu trực tuyến, truy cập vào các dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện, mọi lúc mọi nơi. Điều này tạo cơ hội cải thiện hiệu quả chức năng của chính phủ và giúp chính phủ minh bạch hơn đối với công dân.

Với loại G2C, chính phủ điện tử áp dụng hoạt động quản trị quan hệ khách hàng (CRM) trong việc tiếp cận với người dân cũng như tạo mối quan hệ tốt đẹp với họ. Bằng cách quản lý mối quan hệ khách hàng (người dân), doanh nghiệp (chính phủ) có thể cung cấp các sản phẩm và dịch vụ cần thiết để đáp ứng nhu cầu của khách hàng (người dân).

4 Dạng dịch vụ Chính phủ

02

Dịch vụ chính phủ điện tử cung cấp cho doanh nghiệp (G2B- Government to Business)

Dịch vụ và quan hệ chính phủ đối với các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, nhà sản xuất như: dịch vụ mua sắm, thanh tra, giám sát doanh nghiệp (về đóng thuế, tuân thủ luật pháp,...); thông tin về quy hoạch sử dụng đất, phát triển đô thị, đấu thầu, xây dựng; cung cấp thông tin dạng văn bản, hướng dẫn sử dụng, quy định, thi hành chính sách nhà nước,... cho các doanh nghiệp. Đây là thành phần quan hệ cơ bản trong mô hình nhà nước là chủ thể quản lý vĩ mô nền kinh tế, xã hội thông qua chính sách, cơ chế và luật pháp, còn doanh nghiệp như là khách thể đại diện cho lực lượng sản xuất trực tiếp của cải vật chất của nền kinh tế.

G2B đóng một vai trò quan trọng trong phát triển kinh doanh. Nó làm tăng tính công bằng và minh bạch của các dự án, hợp đồng của chính phủ. G2B hỗ trợ việc phát triển kinh doanh, đặc biệt là phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc đơn giản hóa các thủ tục xin cấp phép, hỗ trợ trong quá trình phê duyệt đối với các yêu cầu của doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ thúc đẩy kinh doanh phát triển.

Một dịch vụ cấp cao liên quan đến G2B được cung cấp bởi chính phủ điện tử là mua sắm điện tử. Các nhà cung cấp trao đổi trực tuyến với Chính phủ để mua sắm hàng hóa và dịch vụ cho Chính phủ. Một ví dụ điển hình là các website mở và đấu thầu. Việc mua sắm điện tử đảm bảo cho quá trình đấu thầu trở nên minh bạch và khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia đấu thầu đối với các dự án mua sắm lớn của Chính phủ. Hệ thống này cũng giúp cho Chính phủ có thể tiết kiệm chi tiêu thông qua việc cắt giảm chi phí cho môi giới trung gian, chi phí hành chính cũng như các hoạt động trung gian khác.

4 Dạng dịch vụ Chính phủ

03

Dịch vụ chính phủ điện tử cung cấp cho cán bộ công chức để phục vụ người dân và doanh nghiệp
(G2E- Government to Employee)

G2E là một phần nội bộ của G2G, chỉ các dịch vụ, giao dịch trong mối quan hệ giữa chính phủ đối với công chức, viên chức bảo hiểm, dịch vụ việc làm, trợ cấp thất nghiệp, chăm sóc sức khỏe, nhà ở...

Nó cung cấp cho nhân viên khả năng truy cập thông tin liên quan về chính sách lương thưởng và lợi ích, cơ hội đào tạo và học tập và kiểm tra số dư nghỉ phép và xem xét hồ sơ thanh toán tiền lương một cách dễ dàng và nhanh chóng.

G2E là một cách thành công để cung cấp kiến thức điện tử, gắn kết các nhân viên và khuyến khích họ chia sẻ kiến thức. G2E giúp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng với những lĩnh vực đầy thách thức và sự thay đổi nhanh chóng của thời đại công nghệ thông tin và truyền thông.

4 Dạng dịch vụ Chính phủ

04 Dịch vụ chính phủ điện tử trao đổi giữa cơ quan trong Chính phủ với nhau và giữa các Chính phủ (G2G- Government to Government)

G2G được hiểu như khả năng phối hợp, chuyển giao và cung cấp các dịch vụ một cách có hiệu quả giữa các cấp, ngành, tổ chức, bộ máy nhà nước trong việc điều hành và quản lý nhà nước, trong đó chính bản thân bộ máy của chính phủ vừa đóng vai trò là chủ thể và khách thể trong mối quan hệ này.

Giao dịch của G2G được thực hiện trên hai cấp chính, bao gồm G2G cấp nội bộ và G2G ở cấp quốc tế. G2G cấp nội bộ là các giao dịch giữa Chính phủ với các chính quyền địa phương, các tổ chức có liên quan. G2G cấp quốc tế là các giao dịch giữa các Chính phủ. Bằng cách giao tiếp và hợp tác trực tuyến, các cơ quan chính phủ có thể làm việc cùng nhau, xây dựng cơ sở dữ liệu, tài nguyên chung cho tất cả các quốc gia thành viên. G2G được xem là công cụ giúp tăng cường ngoại giao và các mối quan hệ quốc tế.

Mục đích quan trọng của phát triển G2G là tăng cường và cải thiện quy trình tổ chức liên chính phủ. Việc sử dụng công nghệ thông tin của các cơ quan chính phủ khác nhau để chia sẻ hoặc tập trung hóa thông tin, hợp lý hóa các quy trình kinh doanh liên chính phủ có thể giúp tiết kiệm thời gian và chi phí.

Toàn bộ hệ thống quan hệ, giao dịch của chính phủ như G2C, G2E, G2B, và G2G phải được đặt trên một hạ tầng vững chắc của hệ thống: độ tin cậy (trust), khả năng đảm bảo tính riêng tư (privacy) và bảo mật - an toàn (security) và cuối cùng tất cả đều dựa trên hạ tầng công nghệ và truyền thông với các quy mô khác nhau: mạng máy tính, mạng Intranet, Extranet và Internet.

Phương thức hoạt động của chính quyền địa phương điện tử ở Việt Nam

Khái quát về phương thức hoạt động của CQĐPĐT

Phương thức hoạt động của CQĐPĐT là cách thức và phương pháp mà CQĐPĐT tiến hành những công việc (hoạt động) nhằm mục đích thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình. Ứng với yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của mỗi giai đoạn, CQĐPĐT có phương thức hoạt động tương ứng cụ thể. Việc xác định đúng và thực hiện hiệu quả phương thức hoạt động là yếu tố quan trọng để CQĐPĐT hoàn thành vai trò, nhiệm vụ. Ngược lại, nếu xác định phương thức hoạt động không phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ hoặc thực hiện không hiệu quả thì CQĐPĐT sẽ không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ.

Phương thức hoạt động của CQĐPĐT là một cấu phần của phương thức tổ chức và hoạt động của CQĐP.

Phương thức hoạt động của chính quyền địa phương điện tử ở Việt Nam

Khái quát về phương thức hoạt động của CQĐPĐT

CQĐPĐT nói riêng, CPĐT nói chung được xây dựng để dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp. Về nguyên tắc, CQĐPĐT là một kênh, một phương thức để CQĐP thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, do tính tất yếu của sự phát triển khoa học - công nghệ (số hóa, chuyển đổi số) mà kênh điện tử này trở thành tất yếu, thay đổi cách thức hoạt động của CQĐP.

Với CPĐT/CQĐPĐT, nhằm đạt tới phương thức hoạt động “bốn Không” của chính quyền, đó là: họp không gặp mặt, xử lý văn bản không giấy, giải quyết thủ tục hành chính không tiếp xúc và thanh toán không dùng tiền mặt.

Khi các dữ liệu được số hóa ở mức hoàn chỉnh (chuyển đổi số), hoạt động của CPĐT theo cơ chế tự động (tự động hóa), khi đó trở thành Chính phủ số, Chính phủ thông minh.

Phương thức hoạt động của CQĐPĐT được xem xét ở hai phạm vi: Phương thức hoạt động theo cấu trúc CQĐPĐT và hoạt động trên thực tế.

Phương thức hoạt động của CQĐPĐT trong cấu trúc CPĐT

CQĐPĐT trong cấu trúc CPĐT

Mô hình tổng thể cơ quan nhà nước các cấp

Từ cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý hành chính nhà nước các cấp, hình sau đây mô tả tổng thể mối quan hệ chuyên môn, nghiệp vụ giữa các cơ quan hành chính trên quy mô toàn quốc.

Mô hình tổng thể cơ quan nhà nước các cấp

Trên cơ sở phân cấp hành chính như trên, trong quan hệ chuyên môn, nghiệp vụ giữa các CQNN tồn tại các kết nối về quy trình nghiệp vụ sau:

Kết nối dọc:

- Kết nối từ Chính phủ xuống các Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kết nối từ các cơ quan chuyên ngành của Bộ xuống các cơ quan chuyên ngành (sở chuyên ngành) của tỉnh;
- Kết nối từ cơ quan chuyên ngành của các Bộ cấp Trung ương xuống các cơ quan chuyên ngành của Bộ đặt tại các địa phương (như kết nối từ tổng cục xuống các cục, chi cục tại địa phương);

- Từ các cơ quan chuyên ngành của tỉnh (sở chuyên ngành) xuống các đơn vị chuyên môn cấp dưới (huyện, quận). Kết nối ngang:
- Kết nối giữa các Bộ;
- Kết nối giữa các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Kết nối giữa các tỉnh;
- Kết nối giữa các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (các sở, ban, ngành);
- Kết nối giữa các cơ quan chuyên môn cấp huyện (các phòng, ban).

Mô hình tổng thể cơ quan nhà nước các cấp

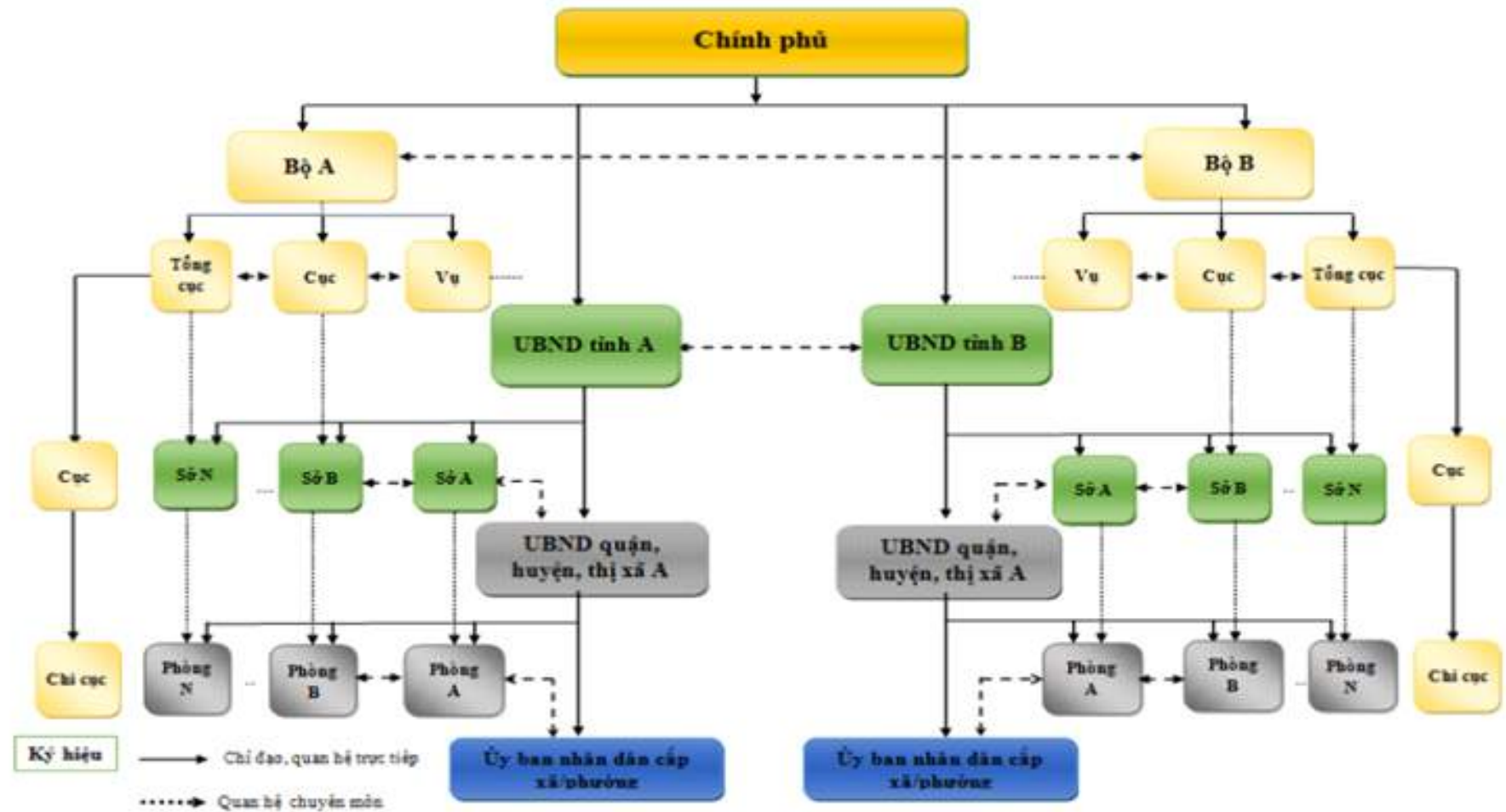
Việc kết nối về chuyên môn, nghiệp vụ ở trên sẽ ảnh hưởng đến Kiến trúc CPĐT các cấp. Các kiến trúc phải bảo đảm sự kết nối, liên thông theo quy trình nghiệp vụ.

Ngoài cơ quan chuyên môn đã nêu trên, tại các cấp còn có các đơn vị sự nghiệp. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan này cũng có sự kết nối ngang, dọc với các cơ quan khác, tương tự như các cơ quan chuyên môn. Chính vì vậy, những mô tả kết nối ngang, dọc ở trên cũng là mô tả chung cho các CQNN.

Ngoài các kết nối giữa các CQNN, trong thực tế cũng có những kết nối với các cơ quan của Đảng, các tổ chức, doanh nghiệp theo các cấp và theo chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ của các CQNN.

Mô hình tổng thể cơ quan nhà nước các cấp

Mô hình các cơ quan chuyên môn tổ chức hành chính của Việt Nam



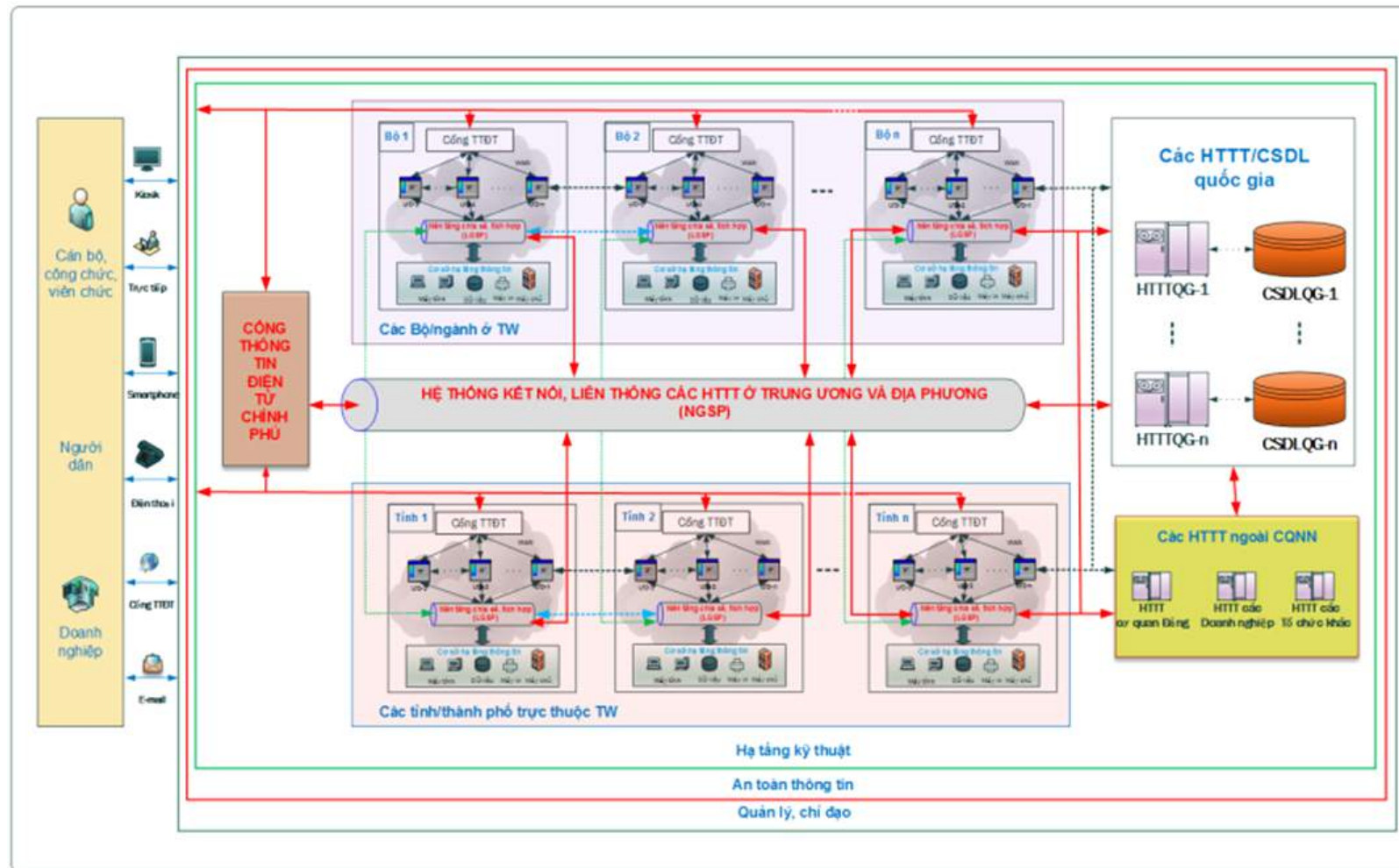
Phương thức hoạt động của CQĐPĐT trong cấu trúc CPĐT

CQĐPĐT trong cấu trúc CPĐT

Mô hình tổng thể CPĐT Việt Nam

Căn cứ yêu cầu kết nối giữa các cấp, thực tế phát triển CPĐT của Việt Nam và các cơ sở phương pháp luận về Khung Kiến trúc CPĐT, hình sau đây mô tả sơ đồ tổng thể Khung Kiến trúc CPĐT Việt Nam.

Sơ đồ tổng thể Khung Kiến trúc CPĐT Việt Nam



Các thành phần chính của Sơ đồ:

Người sử dụng:

Là những người truy cập, sử dụng dịch vụ CPĐT các cấp, bao gồm người dân, doanh nghiệp, CBCCVC.

Kênh giao tiếp:

Là môi trường giúp người sử dụng truy cập đến các hệ thống thông tin CPĐT. Bao gồm các kênh tiêu biểu như: điện thoại, kiosk, cổng/trang thông tin điện tử, hay trực tiếp (đến trực tiếp cơ quan nhà nước để thực hiện giao dịch).

Cổng thông tin điện tử Chính phủ:

Là đầu mối kết nối người sử dụng tới các ứng dụng, HTTT của các Bộ/tỉnh. Cổng này một mặt kết nối với kênh giao tiếp, một mặt kết nối với các cổng thông tin điện tử các Bộ/tỉnh; kết nối với Hệ thống kết nối, liên thông của quốc gia và các HTTT/CSDL quốc gia. Trong

trường hợp, Cổng này chưa kết nối các cổng thông tin điện tử của các Bộ/tỉnh, thì người sử dụng kết nối trực tiếp với cổng thông tin điện tử của các Bộ/tỉnh.

Hệ thống kết nối, liên thông các HTTT ở Trung ương và địa phương (NGSP):

Hệ thống này bao gồm các dịch vụ, ứng dụng có thể chia sẻ, dùng chung cấp quốc gia để kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở quy mô quốc gia. Giúp cho việc đầu tư không trùng lặp, tiết kiệm; đồng thời tạo điều kiện kết nối liên thông, tích hợp các hệ thống thông tin.

Kiến trúc CPĐT của Bộ/tỉnh:

Trong mỗi Bộ/tỉnh, Kiến trúc CPĐT gồm các bộ phận chính:

Các thành phần chính của Sơ đồ:

Cổng thông tin điện tử:

Để kết nối với Cổng thông tin điện tử Chính phủ và tới người sử dụng, một mặt kết nối tới các ứng dụng CNTT của Bộ/tỉnh.

Các ứng dụng CNTT:

Đây là chương trình máy tính để cung cấp các dịch vụ CPĐT tương ứng.

Nền tảng chia sẻ, tích hợp:

Đây là bộ phận chứa đựng các ứng dụng, dịch vụ chia sẻ, dùng chung cho cả Bộ/tỉnh và cũng bao gồm các dịch vụ để tích hợp, kết nối các ứng dụng, hệ thống CNTT trong phạm vi Bộ/tỉnh, đồng thời kết nối tới các hệ thống bên ngoài (như nền tảng chia sẻ, tích hợp của các Bộ/tỉnh khác; các HTTT/CSDLQG; NGSP;...).

Cơ sở hạ tầng thông tin của Bộ/tỉnh:

Là hạ tầng kỹ thuật phục vụ các ứng dụng/HTTT của Bộ/tỉnh, bao gồm mạng, máy tính, máy in, an toàn an ninh thông tin,...

Các HTTT/CSDL Quốc gia:

Đây là các hệ thống thông tin hoặc cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia, được dùng chung cho nhiều Bộ/tỉnh. Ví dụ: Hệ thống thông tin quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc cho các cơ quan Chính phủ, Hệ thống thư điện tử quốc gia, Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc, Hệ thống thuế điện tử, Hệ thống hải quan điện tử, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư, CSDL quốc gia về tài chính, CSDL quốc gia về đất đai,... Danh mục các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có quy mô quốc gia được cập nhật trong các Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt

Các thành phần chính của Sơ đồ:

động của CQNN do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các HTTT ngoài cơ quan nhà nước:

Đây là các hệ thống thông tin hoặc cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức không thuộc Nhà nước như các cơ quan Đảng, các doanh nghiệp, các tổ chức trong nước và quốc tế khác.

Hạ tầng kỹ thuật:

Đây là hạ tầng kỹ thuật CNTT kết nối các hệ thống thông tin trên quy mô quốc gia, đồng thời bao gồm hạ tầng kỹ thuật để chia sẻ dùng chung trên quy mô toàn quốc. Những nội dung chính hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia được cập nhật trong các Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Quản lý, chỉ đạo:

Bao gồm công tác chỉ đạo, quản lý, tổ chức, hướng dẫn, đào tạo, môi trường pháp lý, truyền thông nhằm bảo đảm các điều kiện triển khai các hệ thống thông tin.

An toàn thông tin:

Là thành phần xuyên suốt, là điều kiện bảo đảm triển khai các thành phần của CPĐT. Nội dung đảm bảo an toàn thông tin bao gồm các nội dung chính như: bảo vệ an toàn thiết bị, an toàn mạng, an toàn hệ thống, an toàn ứng dụng CNTT, an toàn dữ liệu, quản lý và giám sát. Các nội dung này cần được triển khai đồng bộ tại các cấp đáp ứng nhu cầu thực tế và xu thế phát triển công nghệ.

Sự kết nối của các Hệ thống Thông tin (HTTT) các cấp

Kết nối dọc:

- Kết nối từ Chính phủ xuống các Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thông qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Kết nối từ các cơ quan chuyên ngành của Bộ xuống các cơ quan chuyên ngành (sở chuyên ngành) của tỉnh: Thông qua các hình thức như: Trực tiếp; kết nối giữa nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ và của tỉnh; qua Hệ thống kết nối, liên thông các HTTT ở TW và ĐP;
- Kết nối từ cơ quan chuyên ngành của các Bộ cấp Trung ương xuống các cơ quan chuyên ngành của Bộ đặt tại các địa phương (như kết nối từ tổng cục xuống các cục, chi cục tại địa phương): Thông qua các hình thức như: Trực tiếp; qua nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ; qua Hệ thống kết nối, liên thông các HTTT ở TW và ĐP;
- Kết nối từ các cơ quan chuyên ngành của tỉnh (sở chuyên ngành) với các đơn vị chuyên môn cấp dưới (huyện, xã). Thông qua các hình thức như: Trực tiếp; qua nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh.

Sự kết nối của các Hệ thống Thông tin (HTTT) các cấp

Kết nối ngang:

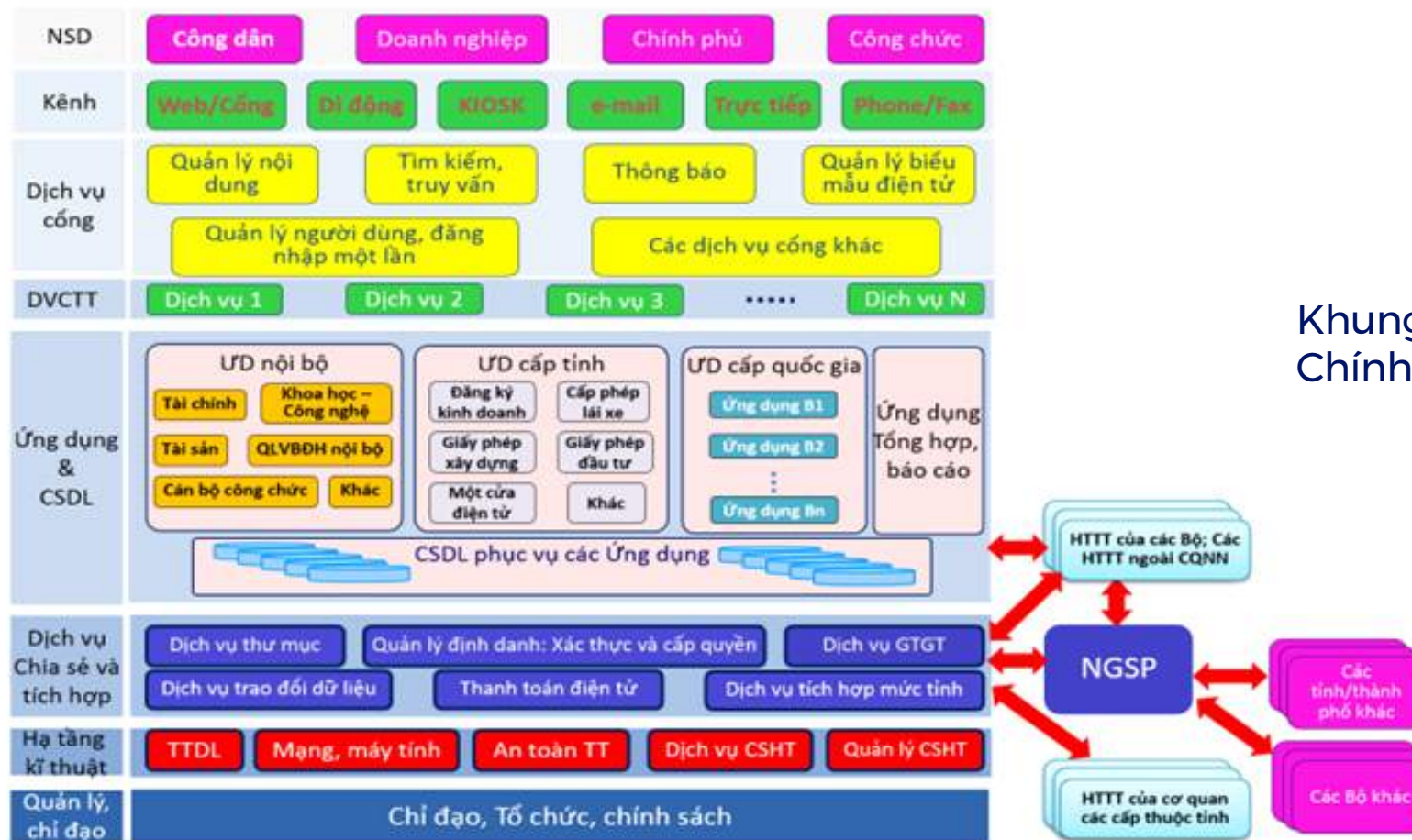
- Kết nối giữa các Bộ: Thông qua các hình thức như: Trực tiếp; kết nối giữa nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ; qua Hệ thống kết nối, liên thông các HTTT ở TW và ĐP;
- Kết nối giữa các đơn vị trực thuộc Bộ: Thông qua các hình thức như: Trực tiếp; kết nối qua nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ; qua Hệ thống kết nối, liên thông các HTTT ở TW và ĐP;
- Kết nối giữa các tỉnh: Thông qua các hình thức như: Thông việc kết nối giữa nền tảng chia sẻ, tích hợp của các tỉnh; hoặc qua Hệ thống kết nối, liên thông các HTTT ở TW và ĐP;
- Kết nối giữa các cơ quan chuyên ngành cấp tỉnh (các sở, ban, ngành): Thông qua các hình thức như: Trực tiếp; kết nối giữa nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh;
- Kết nối giữa các cơ quan chuyên môn cấp huyện (các phòng, ban): Thông qua các hình thức như: Trực tiếp; kết nối qua nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh.

Sự kết nối của các Hệ thống Thông tin (HTTT) các cấp

Kết nối với các HTTT ngoài cơ quan nhà nước:

- Việc kết nối giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước với các hệ thống thông tin của các cơ quan khác tùy theo yêu cầu cụ thể mà có những hình thức kết nối phù hợp theo quy mô, cấp kết nối. Cụ thể như: kết nối trực tiếp; kết nối qua nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ/tỉnh; kết nối qua Hệ thống kết nối, liên thông các HTTT ở TW và ĐP.
- Việc chọn lựa theo các hình thức kết nối cụ thể tùy thuộc vào điều kiện và nhu cầu thực tế. Định hướng chung, việc kết nối nội bộ giữa các đơn vị trong Bộ/tỉnh hướng tới thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ/tỉnh; việc kết nối quy mô quốc gia hướng tới thông qua Hệ thống kết nối, liên thông các HTTT ở TW và ĐP.
- Thực tế hiện nay, các thành phần trong Khung kiến trúc CPĐT Việt Nam như trên còn chưa đầy đủ, trong quá trình phát triển sẽ bổ sung, hoàn thiện dần. Tuy nhiên, trong từng giai đoạn phát triển, các Bộ/tỉnh trên cơ sở điều kiện hiện có, vẫn phải đảm bảo triển khai CPĐT phục vụ nhu cầu thực tế.

Mô hình Chính quyền điện tử cấp tỉnh



Khung Kiến trúc
Chính quyền điện tử cấp tỉnh

Các hoạt động của Chính quyền điện tử cấp tỉnh

Người sử dụng hoặc đối tượng sử dụng là người dân, doanh nghiệp hoặc các cơ quan tương tác với dịch vụ được cung cấp bởi các CQNN, bao gồm:

- **Các CQNN (G2G):** Trong trường hợp này, CQNN sử dụng các dịch vụ từ các CQNN khác để thực hiện công việc hoặc cung cấp dịch vụ cho CQNN khác;
- **Doanh nghiệp (G2B):** Doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi các CQNN khác nhau;
- **Công dân (G2C):** Công dân sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi các CQNN khác nhau;
- **Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước (G2E):** CBCCVC truy cập đến các dịch vụ nội bộ của cơ quan để thực hiện công việc của họ.

Chức năng chính của các thành phần trong CQĐT cấp tỉnh

Kênh truy cập

- Kênh truy cập là các hình thức, phương tiện qua đó người sử dụng truy cập thông tin, dịch vụ mà CQNN cung cấp.
- Các kênh truy cập chính bao gồm: các trang thông tin điện tử/cổng thông tin điện tử (website/portal), thư điện tử (email), điện thoại (cố định hoặc di động), máy fax, kiosk hoặc có thể đến trực tiếp các CQNN. Trong giai đoạn đầu, kênh truy cập chủ yếu là các trang thông tin điện tử và thư điện tử, sau đó mở rộng đến các hình thức khác như: điện thoại di động (điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng) hoặc kiosk (thường được đặt ở không gian công cộng). Tại các tỉnh hiện nay, người dân thường đến trực tiếp bộ phận một cửa để thực hiện các thủ tục hành chính.

Chức năng chính của các thành phần trong CQĐT cấp tỉnh

Dịch vụ công thông tin điện tử

- Cổng thông tin điện tử là thành phần đảm bảo cho người sử dụng có thể truy cập đến các thông tin trực tuyến và cũng là giao diện giữa người sử dụng với các dịch vụ CPĐT.
- Cổng thông tin điện tử cung cấp chức năng liên quan trực tiếp đến việc quản lý người sử dụng dịch vụ (cả nội bộ và bên ngoài), quản lý nghiệp vụ tương tác với người sử dụng. Thành phần này đảm bảo sự thống nhất quản lý về truy cập đến cả người sử dụng dịch vụ và các ứng dụng dịch vụ thông qua các kênh truy cập khác nhau.

Chức năng chính của các thành phần trong CQĐT cấp tỉnh

Dịch vụ công trực tuyến:

- Là những dịch vụ công trực tuyến mà CQNN cung cấp cho người dân và doanh nghiệp.
- Trong mô hình này bao gồm các dịch vụ cấp tỉnh do các sở, ban, ngành cung cấp. Việc triển khai các dịch vụ công trực tuyến cần theo lộ trình phù hợp. Danh mục nhóm các dịch vụ công các cấp được ưu tiên cung cấp trực tuyến mức độ cao tại các tỉnh theo các giai đoạn được nêu trong Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong kế hoạch ứng dụng CNTT các tỉnh.

Chức năng chính của các thành phần trong CQĐT cấp tỉnh

Ứng dụng và cơ sở dữ liệu

- Thành phần này bao gồm các ứng dụng cần thiết cho hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Ứng dụng ở đây, được phân loại thành các ứng dụng nội bộ, các ứng dụng của tỉnh, các ứng dụng dùng chung cấp quốc gia và các ứng dụng phục vụ tổng hợp và báo cáo.

Chức năng chính của các thành phần trong CQĐT cấp tỉnh

Ứng dụng và cơ sở dữ liệu

- **Ứng dụng cấp tỉnh:**
 - Bao gồm các ứng dụng nghiệp vụ cấp tỉnh, phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công cấp tỉnh, trong đó có các dịch vụ công trực tuyến. Cụ thể như các ứng dụng: Đăng ký kinh doanh; Cấp giấy phép đầu tư; Cấp giấy phép lái xe; Cấp phép xây dựng;...
 - Để hỗ trợ công tác xử lý các thủ tục hành chính, tại các CQNN cấp tỉnh có thể có các ứng dụng/hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của bộ phận một cửa (một cửa điện tử). Ứng dụng này hỗ trợ quá trình nhận hồ sơ thủ tục, lưu chuyển, xử lý hồ sơ qua mạng; theo dõi, tổng kết, thông báo tình trạng xử lý hồ sơ.
 - Hiện nay, người dân và doanh nghiệp có thể lựa chọn các hình thức nộp hồ sơ qua mạng, hoặc trực tiếp tại bộ phận một cửa. Chính vì vậy, phải có sự kết nối giữa ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa và cổng thông tin điện tử của tỉnh. Khi người dân nộp hồ sơ qua mạng (qua cổng/trang thông tin điện tử) thì hồ sơ đó được gửi trực tuyến tới bộ phận một cửa, hoặc trực tiếp đến tổ chức, cá nhân xử lý; ngược lại những thông báo, tình trạng, kết quả xử lý thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa có thể gửi tới người dân, doanh nghiệp bằng hình thức trực tuyến.

Chức năng chính của các thành phần trong CQĐT cấp tỉnh

Ứng dụng và cơ sở dữ liệu

- **Ứng dụng nội bộ:**
 - Thành phần này bao gồm các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành, hỗ trợ các hoạt động trong nội bộ các CQNN. Những ứng dụng tiêu biểu của nhóm này bao gồm: Quản lý tài chính; Quản lý tài sản; Quản lý CBCC; Quản lý KHCN; Quản lý văn bản và điều hành nội bộ;...
- **Ứng dụng về tổng hợp và báo cáo:**
 - Các ứng dụng này tổng hợp thông tin về chuyên ngành, kinh tế-xã hội, cung cấp cho lãnh đạo nhằm hỗ trợ cho quy trình ra quyết định.
- **Ứng dụng cấp quốc gia:**
 - Thành phần này thể hiện các ứng dụng quy mô quốc gia được các tỉnh sử dụng. Các ứng dụng này được cung cấp bởi các HTTT và CSDLQG. Danh mục các HTTT/CSDLQG được cập nhật trong các Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN do Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

Chức năng chính của các thành phần trong CQĐT cấp tỉnh

Các dịch vụ chia sẻ và tích hợp

- Các dịch vụ này được sử dụng để hỗ trợ các ứng dụng lớp trên và CSDL. Đây là các dịch vụ có thể dùng chung, chia sẻ giữa các ứng dụng trong quy mô tỉnh, điều này làm giảm đầu tư trùng lặp, lãng phí, thiếu đồng bộ. Mặt khác, một trong các chức năng quan trọng của các dịch vụ nhóm này là để kết nối, liên thông, tích hợp các ứng dụng. Một số dịch vụ tiêu biểu của nhóm này bao gồm:
- **Dịch vụ thư mục:** Dịch vụ thư mục cung cấp cho người dùng một phương thức truy vấn đơn giản mà người dùng có thể sử dụng từ khóa như tên, mã để tìm kiếm thông tin lưu trong máy chủ thư mục. Ví dụ, để đạt được mục tiêu tích hợp mật khẩu, tài khoản, các CQNN có thể sử dụng dịch vụ thư mục để xây dựng tài khoản cho nhân viên đến định danh tài khoản/mật khẩu khác nhau trong các hệ thống khác nhau (cổng thông tin điện tử, thư điện tử, đăng nhập một lần,...). Dịch vụ thư mục có thể cung cấp một cơ chế thuận tiện hơn cho người sử dụng và người quản trị để quản lý tài khoản của họ.
- **Dịch vụ quản lý định danh:** Dịch vụ này cung cấp một cơ chế cho phép các hệ thống CPĐT nhận dạng người sử dụng. Một số cơ chế có thể được áp dụng để đảm bảo định danh xác định, ví dụ: định danh/mật khẩu cộng với mã xác nhận, hạ tầng khóa công khai, sinh trắc học... Bất kỳ cơ chế

Chức năng chính của các thành phần trong CQĐT cấp tỉnh

Các dịch vụ chia sẻ và tích hợp

định danh nào được sử dụng, việc định danh sẽ tuân theo thủ tục tương tự và do đó, những cơ chế này có thể được xây dựng thành các dịch vụ dùng chung. Khi hệ thống CPĐT cần định danh người sử dụng, nó có thể sử dụng dịch vụ dùng chung này để hoàn thành việc xác định người sử dụng.

- **Dịch vụ xác thực:** Xác thực là quá trình để xác nhận sự thật của các thực thể. Trong hệ thống CPĐT, không chỉ cần xác thực người dùng mà còn cần xác thực các hệ thống. Xác thực người sử dụng là quá trình để định danh người sử dụng, nó có thể tuân theo quy trình tương tự như dịch vụ định danh. Xác thực hệ thống là quá trình để xác định các hệ thống khác có thể sử dụng nguồn lực của hệ thống. Hầu hết các trường hợp, chứng thư của máy chủ sẽ được sinh ra và có giá trị xác thực máy chủ đó. Khi hệ thống cần phải xác thực một hệ thống khác, có thể định hướng lại quá trình đến dịch vụ xác thực dùng chung và dịch vụ chia sẻ sẽ gửi kết quả đến hệ thống CPĐT để hoàn tất quá trình xác thực máy chủ.
- **Dịch vụ cấp quyền truy cập:** Khi hệ thống hoàn thành quá trình xác thực, nó sẽ căn cứ vào mức độ quyền hạn khác nhau của người sử dụng để cấp quyền cụ thể. Tương tự với quá trình xác thực, khi hệ thống cung cấp các quyền khác nhau cho người sử dụng, nó có thể định hướng lại quá trình dịch

Chức năng chính của các thành phần trong CQĐT cấp tỉnh

Các dịch vụ chia sẻ và tích hợp

vụ cấp quyền và các dịch vụ dùng chung sẽ gửi kết quả đến hệ thống để hoàn tất quá trình cấp quyền truy cập.

- **Dịch vụ thanh toán điện tử (e-payment):** Dịch vụ này cung cấp cổng thanh toán điện tử đến các ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính phục vụ công dân, doanh nghiệp và CQNN khi xử lý các giao dịch.
- **Dịch vụ giá trị gia tăng:** Ví dụ như: quản lý quan hệ khách hàng, quản lý hiệu năng,...
- **Dịch vụ trao đổi thông tin/dữ liệu:** Dịch vụ này cho phép các CQNN trao đổi thông tin. Dịch vụ này thường sử dụng giao diện kế thừa (Legacy Interface) để thiết lập kênh trao đổi với các ứng dụng cũ, các ứng dụng mới thường sử dụng giao thức ngôn ngữ đánh dấu mở rộng (XML) để thực hiện trao đổi.
- **Dịch vụ tích hợp:** Dịch vụ này nhằm điều phối các ứng dụng hay các dịch vụ để cung cấp các loại dịch vụ mới. Với tích hợp, việc đăng ký và tiếp nhận dịch vụ là cần thiết cùng với dịch vụ thư mục, xác thực/cấp quyền và quản lý tài khoản.

Chức năng chính của các thành phần trong CQĐT cấp tỉnh

Nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh

- Ở một số tỉnh có điều kiện, nên xây dựng một nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh (LGSP), tối thiểu bao gồm các dịch vụ chia sẻ và tích hợp như đã nêu trên. Thành phần này đóng vai trò là nền tảng CNTT liên cơ quan cho các sở, ban, ngành, quận, huyện và các CQNN trực thuộc tỉnh. Với nền tảng này, thông tin nghiệp vụ có thể được trao đổi theo chiều ngang và theo chiều dọc giữa các CQNN thuộc tỉnh. Thành phần này cũng hoạt động như một cổng nghiệp vụ, cùng với các dịch vụ cấp tỉnh để trao đổi thông tin với các Bộ, tỉnh khác, hoặc với các cơ quan Đảng, hay các hệ thống thông tin của doanh nghiệp, tổ chức khác khi cần thiết.
- Để vận hành được các ứng dụng, các nền tảng, các CSDL, CQĐT được vận hành trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật tương thích được bảo đảm an toàn thông tin, cùng với đó là các hoạt động quản lý, chỉ đạo của chủ thể có thẩm quyền, trách nhiệm.

Hoạt động của CQĐPĐT ở nước ta từ thực tiễn một số địa phương

Mô hình cổng thông tin chung, cổng thông tin thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến, văn phòng điện tử, các nền tảng tương tác với chính quyền ở Thành phố Hồ Chí Minh

Ở Thành phố Hồ Chí Minh, chính quyền điện tử hiện tại được cung cấp qua:

- 01** Thứ nhất, cổng thông tin chung của Thành phố: hochiminhcity.gov.vn.
- 02** Thứ hai, cổng thông tin thủ tục hành chính và cổng tiếp nhận, xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến chung của Thành phố.
- 03** Thứ ba, Văn phòng điện tử.
- 04** Thứ tư, kênh tương tác trực tuyến giữa UBND quận và cộng đồng

Chính quyền điện tử tại TP. Hồ Chí Minh

01

Thứ nhất, cổng thông tin chung của Thành phố:
hochiminhcity.gov.vn.

- Đây là nơi cập nhập thông tin, tin tức và kế hoạch chung từ chính quyền Thành phố. Cổng thông tin này đạt mức độ 1 và mức độ 2, có thể truy cập đến tất cả cổng thông tin nhỏ khác trong Thành phố.

02

Thứ hai, cổng thông tin thủ tục hành chính và cổng tiếp nhận, xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến chung của Thành phố.

- Trong đó dichvucong.hochiminhcity.gov.vn là địa chỉ tiếp nhận và xử lý hồ sơ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Thành phố. Người dân sẽ nộp hồ sơ trực tiếp trên trang web này để đăng ký các loại giấy tờ, hoàn thành các thủ tục hành chính, hoặc được dân đến các trang web khác để xử lý như hotichtructuyen.moj.gov.vn (đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn trực tuyến); thutuchanhchinh.hochiminhcity.gov.vn là địa chỉ thông tin và hướng dẫn về thủ tục hành chính (mức độ 2), tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về các thủ tục hành chính của người dân. Nhìn chung, các dịch vụ này chỉ nằm ở mức độ 3, tức nộp hồ sơ và hẹn lịch đến cơ quan cụ thể giải quyết. Chỉ một số ít thủ tục hành chính và dịch vụ công được cung cấp ở mức độ 4.

Chính quyền điện tử tại TP. Hồ Chí Minh

03 Thứ ba, Văn phòng điện tử.

- Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục triển khai và kết nối liên thông phần mềm đến tất cả sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và phường, xã. Hiện có 100% số cơ quan quản lý nhà nước từ cấp Thành phố đến cấp quận, huyện và phường, xã đã sử dụng ổn định và hiệu quả phần mềm.
- Văn phòng điện tử được thực hiện rộng rãi trên toàn thành phố, với 100% quận (24/24 đơn vị) và 72% sở, ban, ngành (48/66 đơn vị) đã triển khai 6 phần mềm thuộc nhóm môi trường làm việc điện tử. Các ứng dụng triển khai trên thực tế bao gồm hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho phép kết nối từ văn phòng UBND Thành phố và các quận, huyện, cơ quan chức năng. Cụ thể, hệ thống lịch công tác, thư mời họp qua SMS, email, smartphone giúp thông tin nhanh chóng và tiết kiệm chi phí, ngoài ra còn có các ứng dụng thực tế khác đáng chú ý như phòng họp trực tuyến có độ bảo mật cao giúp mọi thứ minh bạch, dễ dàng hơn.
- Chỉ trong năm 2018, Thành phố đã ứng dụng công nghệ thông tin rộng và có chiều sâu trong lĩnh vực quản lý nhà nước, hỗ trợ hiệu quả công tác cải cách hành chính, thể hiện qua văn phòng điện tử với 753 đơn vị liên thông văn bản, điều hành qua mạng; 3,4 triệu văn bản điện tử; 21.600 hộp điện tử

Chính quyền điện tử tại TP. Hồ Chí Minh

03 Thứ ba, Văn phòng điện tử.

Có thể nói, quận 1 là "hạt nhân" đầu tiên của chính quyền điện tử, nhiều dịch vụ công trực tuyến đã chạm trần mức độ 3, mức độ 4 như: cấp phép kinh doanh hộ cá thể, cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp phép xây dựng, báo cáo khai lao động, cấp chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm. Bên cạnh đó, ở trang thông tin điện tử "2 chiều" có thể nhận phản hồi ý kiến từ người dân... Tại quận 12, bên cạnh các phần mềm quản lý địa bàn dân cư và hồ sơ công việc được triển khai đến từng phường (G-Office) và cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến, còn có hệ thống tương tác giữa chính quyền với người dân qua việc cài đặt trên nhiều thiết bị di động nổi mạng..., tạo điều kiện thuận lợi và nhanh nhất để người dân có thể phản ánh bằng hình ảnh với thời gian thực và địa điểm diễn ra sự việc, được cập nhật ngay cho các cơ quan có liên quan xem xét, xử lý. Còn tại quận Bình Thạnh cũng đang tích cực triển khai các giải pháp nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; trong đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và cấp phép xây dựng kết quả thiết thực, mang lại nhiều tiện ích cho người dân và doanh nghiệp, trong năm 2018 đã có 2.832 hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh được nộp trực tuyến giải quyết đúng thời gian, trình tự đạt tỷ lệ 100%; ngoài ra, trong tổng số 3.095 hồ sơ cấp

Chính quyền điện tử tại TP. Hồ Chí Minh

03 Thứ ba, Văn phòng điện tử.

phép xây dựng, có 1.248 hồ sơ nộp qua mạng từ trang dịch vụ công Thành phố Hồ Chí Minh và ứng dụng "Bình Thạnh trực tuyến", chiếm tỷ lệ 40,3%. Phòng quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an Thành phố Hồ Chí Minh, trong quý 1/2019 đã tiếp nhận hơn 56.000 hồ sơ, trong đó hồ sơ khai trực tuyến chiếm gần 84%. Sau 12 giờ từ khi nộp hồ sơ, người dân có thể tra cứu thông tin tình trạng giải quyết hồ sơ ngay tại website hoặc thông qua dịch vụ tin nhắn SMS, hộp thư thoại.

- Từ kết quả của quận 1, quận 12, quận Bình Thạnh, Thành phố đã mở rộng xây dựng chính quyền điện tử ra các quận huyện khác. Khi người dân đến làm hồ sơ nếu trong lĩnh vực có dịch vụ công trực tuyến (hộ tịch, lao động, xây dựng...) thì cán bộ hướng dẫn người dân làm hồ sơ qua mạng. Theo Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh, những sáng kiến, cách làm hay, hiệu quả trong công tác cải cách hành chính đã góp phần tạo nên sự lan tỏa mạnh mẽ trên toàn Thành phố, tình hình sử dụng dịch vụ công trực tuyến cấp quận, huyện có sự chuyển biến rõ nét.
- Cụ thể, tính tới đầu năm 2020, TP đã đạt một số kết quả cụ thể như: Tổng số dịch vụ công trực tuyến là 859 dịch vụ. Tính đến tháng 4/2019, tỷ lệ đăng ký qua mạng các thủ tục lĩnh vực thành lập và hoạt

Chính quyền điện tử tại TP. Hồ Chí Minh

03 Thứ ba, Văn phòng điện tử.

động của doanh nghiệp đạt 76%, tỷ lệ đăng ký đầu tư qua mạng đạt 29,5%. Về liên thông văn bản điện tử, từ cuối năm 2014, TP đã thực hiện gửi và nhận văn bản điện tử trên phạm vi toàn TP. Hiện nay, TP đã triển khai liên thông kết nối 751 đơn vị; đã có hơn 4 triệu văn bản điện tử được gửi và nhận qua trực liên thông của TP.

- Ngoài phần mềm quản lý văn bản hồ sơ công việc, TP đã triển khai ứng dụng phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành, tác nghiệp tại các quận, huyện, sở ban ngành như: Phần mềm lịch công tác, thư mời họp qua SMS, Email...; thực hiện việc áp dụng chữ ký điện tử trong trao đổi văn bản điện tử, thư mời họp. TP đã triển khai hệ thống một cửa điện tử quản lý hồ sơ đất đai cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai TP, 24 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận, huyện và UBND 24 quận, huyện nhằm thực hiện tiếp nhận, luân chuyển và xử lý hồ sơ đất đai tại địa chỉ <https://motcuadatdai.tphcm.gov.vn>.
- Bên cạnh đó, TP đã thực hiện tổ chức triển khai tập trung các ứng dụng các sở, ngành, quận, huyện tại Trung tâm dữ liệu TP và tăng cường an toàn an ninh thông tin cho hệ thống này.

Chính quyền điện tử tại TP. Hồ Chí Minh

03 Thứ ba, Văn phòng điện tử.

- Ngoài ra, về hệ thống mạng đô thị băng thông rộng TP (MetroNet), TP đã thực hiện kết nối từ UBND TP đến sở, ban, ngành, quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các tổng công ty và các đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống mạng băng thông rộng TP. Hiện nay, có tổng cộng 778 điểm đã kết nối vào hệ thống mạng phục vụ việc trao đổi thông tin trong vận hành, liên thông hệ thống thông tin chỉ đạo điều hành các cấp.

Chính quyền điện tử tại TP. Hồ Chí Minh

04 Thứ tư, kênh tương tác trực tuyến giữa UBND quận và cộng đồng

- Đối với mô hình cấp quận/huyện, quận 1- thành phố Hồ Chí Minh luôn là quận đi đầu trong cả nước trong việc xây dựng mô hình CQĐT cấp quận/huyện. Với việc hình thành cổng thông tin điện tử theo một tư duy mới, đó là kênh tương tác trực tuyến giữa UBND quận 1 và cộng đồng, nhằm giúp việc trao đổi thông tin và phản ánh/góp ý của người dân thuận tiện, nhanh chóng (địa chỉ truy nhập: www.quan1.hochiminhcity.gov.vn); cụ thể:
- Cung cấp rộng rãi các thông tin tin tức và sự kiện về lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn đến người dân thông tin kênh thông tin trực tuyến Internet. Qua đó người dân có thể nắm bắt các thông tin mang tính thời sự đã và đang xảy ra trên địa bàn.
- Đăng tải các thông tin hướng dẫn thủ tục hành chính Cung cấp kênh tương tác trực tuyến để gửi thông tin phản ánh về các vấn đề tiêu cực đang xảy ra trên địa bàn hoặc đặt câu hỏi về thủ tục hành chính. Qua kênh tương tác trực tuyến này, các thông tin này sẽ được gửi đến chuyên viên Ủy Ban Quận/ Huyện hoặc chuyên viên các Phường/ Xã tùy theo phân quyền một cách nhanh chóng để có kết quả xử lý kịp thời, nhanh chóng và chính xác.

Chính quyền điện tử tại TP. Hồ Chí Minh

04 Thứ tư, kênh tương tác trực tuyến giữa UBND quận và cộng đồng

- Quảng bá thông tin các địa danh nổi tiếng đến du khách.
- Cung cấp kênh tương tác, trao đổi thông tin cho các Doanh nghiệp là thành viên. Doanh nghiệp có thể đăng tải thông tin giới thiệu lên cổng thông tin nhằm quảng bá thương hiệu đến người dân và các Doanh nghiệp khác trên địa bàn. Ngoài ra, còn cho phép kết nối các trang mạng xã hội để chia sẻ và quảng bá thông tin như Facebook, Google +, Twister, ...
- Đây là tiền đề quan trọng để thành phố Hồ Chí Minh hoàn thiện chính quyền điện tử, chuyển sang chính quyền số. Trong thời gian tới, TP sẽ tập trung triển khai Đề án xây dựng TPHCM trở thành đô thị thông minh; trong đó tập trung triển khai xây dựng 4 trung tâm (Kho dữ liệu dùng chung và hệ sinh thái dữ liệu mở, Trung tâm điều hành đô thị thông minh, Trung tâm mô phỏng và dự báo kinh tế xã hội, Trung tâm an toàn thông tin). Đồng thời, nghiên cứu phát triển khu đô thị sáng tạo phía Đông TP nhằm tạo sự tương tác giữa các lĩnh vực nghiên cứu, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ, tạo động lực phát triển kinh tế tri thức.
- Tuy nhiên, quá trình xây dựng chính quyền điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh còn gặp không ít khó

Chính quyền điện tử tại TP. Hồ Chí Minh

04 Thứ tư, kênh tương tác trực tuyến giữa UBND quận và cộng đồng

khăn, vướng mắc. Đó là, hiệu quả khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến chưa cao. Chính quyền các cấp ở Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp nhiều dịch vụ công trực tuyến nhưng tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn thấp. Đa số người dân vẫn có nhu cầu trực tiếp đến các cơ quan công quyền để giải quyết, chưa có thói quen sử dụng công nghệ thông tin để giải quyết các thủ tục hành chính, chưa hiểu rõ các lợi ích mà chính quyền điện tử mang lại... Bên cạnh đó, các dịch vụ công trực tuyến chưa thật sự đồng bộ và hoàn thiện, chủ yếu mới đạt mức độ 3. Theo Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh, đến nay, các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 chủ yếu được thực hiện bởi các sở, còn ở cấp huyện việc nâng cấp từ mức độ 3 lên mức độ 4 gặp một số trở ngại. Ví thể, người dân, doanh nghiệp chủ yếu vẫn chỉ đọc thông tin, tải về và điền các thông tin vào các biểu mẫu, hồ sơ chứ chưa thực hiện được các giao dịch hoàn chỉnh và thanh toán chi phí trực tuyến. Mặt khác, nguồn nhân lực cho chính quyền điện tử còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng; kinh phí đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn hẹp; sự liên thông, tích hợp dữ liệu giữa các cấp, các ngành liên quan chưa thông suốt; chưa có đầy đủ quy định pháp luật về cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Hoạt động của CQĐPĐT ở nước ta từ thực tiễn một số địa phương

Mô hình Trung tâm hành chính công cấp tỉnh và huyện ở Quảng Ninh

- Bắt đầu từ năm 2012 Quảng Ninh đã triển khai đồng bộ việc xây dựng CQĐT với nguồn kinh phí đầu tư rất lớn mỗi năm hàng trăm tỷ đồng; đến năm 2015, Quảng Ninh đã cơ bản hình thành 06 Trung tâm hành chính công, bao gồm: Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ninh và 5 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Uông Bí, Móng Cái và Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn). Nền tảng công nghệ, ứng dụng dịch vụ công của Quảng Ninh là trên nền tảng công nghệ Microsoft, xây dựng trực tích hợp dịch vụ (ESB) và quản lý phân tích quy trình nghiệp vụ BPM cùng với trung tâm dữ liệu (DC) tập trung toàn Tỉnh tạo thành công nghệ lõi đảm bảo kết nối và xử lý linh hoạt, liên thông cả các ứng dụng đang hoạt động và các ứng dụng phát triển mới. Bên cạnh việc xây dựng các Trung tâm hành chính công, Quảng Ninh cũng đang đẩy nhanh xúc tiến việc đầu tư xây dựng, nâng cấp Cổng thông tin điện tử, giao thông thông minh, y tế điện tử... và đào tạo nguồn nhân lực CNTT - viễn thông để đáp ứng yêu cầu quản lý. Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Quảng Ninh đã cơ bản hoàn thành và đang trong giai đoạn kiểm thử trước khi bàn giao cho Sở Thông tin và Truyền thông quản lý, khai thác.

Mô hình Trung tâm hành chính công cấp tỉnh và huyện ở Quảng Ninh

- Với mô hình Trung tâm hành chính công đã khẳng định hiệu quả, tăng tính minh bạch, thay đổi phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước ở tỉnh và các địa phương tạo sự chuyển biến cơ bản trong quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức, công dân, làm tăng hiệu quả làm việc trong quá trình hoạt động, giảm phiền hà, chi phí, thời gian, công sức cho tổ chức, công dân; được cung cấp các trang thiết bị thông minh, hiện đại với hệ thống phần mềm giải quyết hồ sơ, từ khâu tiếp nhận đến khâu trả kết quả nên đã kịp thời cung cấp các thông tin và giải quyết TTHC thực hiện nhanh gọn; các hoạt động, quy trình giải quyết hồ sơ được trực tiếp theo dõi là điều kiện thuận lợi để phát huy quyền dân chủ của người dân, tăng cường giám sát, đóng góp ý kiến đối với quy định trong các TTHC, góp ý về tinh thần, thái độ và chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Bước đầu Trung tâm đã tạo hình ảnh, ấn tượng tốt, gần gũi, thân thiện khi công dân, tổ chức đến thực hiện các thủ tục giao dịch hành chính với các CQNN. Mô hình Trung tâm hành chính công có nhiều nét mới và mang tính đột phá hơn mô hình một cửa điện tử, một cửa liên thông hiện nay nhiều nơi đã và đang triển khai rộng rãi trên cả nước. Đây là mô hình rất đáng học tập, nhất là hiện nay Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 80 về áp dụng cơ chế thuê dịch vụ CNTT, nên bài toán về nguồn vốn đầu tư không phải còn là chuyện lớn

Hoạt động của CQĐPĐT ở nước ta từ thực tiễn một số địa phương

Mô hình Trung tâm điều hành UBND cấp tỉnh ở Thừa Thiên - Huế

- Trung tâm điều hành UBND tỉnh Thừa Thiên Huế được kết nối với Hệ thống Thông tin báo cáo quốc gia; Trung tâm Thông tin, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, có chức năng là phòng họp thông minh, được xây dựng trên nền tảng công nghệ trí tuệ nhân tạo, với các tính năng nhận diện được khuôn mặt, chuyển tài liệu từ dạng văn bản nói sang văn bản viết và lưu trữ được toàn bộ nội dung cuộc họp; giúp người chủ tọa biểu quyết các vấn đề cần biểu quyết, lấy ý kiến, thống kê được các ý kiến của các thành viên dự họp; phần mềm tích hợp chức năng họp trực tuyến, giúp người sử dụng vừa họp không giấy tờ vừa có thể họp trực tuyến ở bất cứ địa điểm nào.

Mô hình Trung tâm điều hành UBND cấp tỉnh ở Thừa Thiên - Huế

- Đi vào hoạt động, Trung tâm đóng vai trò là bộ não tổng hợp, chỉ huy, điều hành toàn bộ các hoạt động của tỉnh thông qua việc thu thập, chuẩn hóa dữ liệu, phân tích, xử lý, đưa ra các báo cáo, quyết định, phục vụ đắc lực hoạt động quản lý điều hành của lãnh đạo tỉnh, sở ngành và các địa phương. Hướng đến hoàn thành mục tiêu "4 không 1 có" trong chương trình chuyển đổi số của tỉnh bao gồm: làm việc không giấy tờ, hội họp không tập trung nhiều, dịch vụ công không gặp mặt, thanh toán không tiền mặt và dữ liệu có số hóa.
- Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện mô hình này, tỉnh Thừa Thiên Huế đã và đang đối mặt với nhiều thách thức như: cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, nguồn lực để phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội, công nghệ cao còn thiếu... Để giải quyết các vấn đề này, UBND tỉnh đã phối hợp với đơn vị tư vấn chuyên nghiệp để xây dựng Trung tâm điều hành UBND tỉnh.

Hoạt động của CQĐPĐT ở nước ta từ thực tiễn một số địa phương

Giải pháp CQĐT liên kết – CGF ở Lào Cai

- Lào Cai là tỉnh có những bước tiến nhanh, vững trong phát triển và ứng dụng CNTT. Được sự hỗ trợ của quỹ Microsoft, Lào Cai đã lựa chọn mô hình CQĐT và xây dựng Khung giải pháp CQĐT liên kết - CGF của Microsoft. Theo Khung giải pháp, Lào Cai triển khai các hệ thống nền tảng gồm: hệ thống phần cứng, hệ thống mạng, hệ thống an ninh bảo mật, các hệ thống phần mềm nền tảng cốt lõi như hệ thống hệ điều hành, danh bạ người dùng, CSDL. Triển khai hệ thống ứng dụng theo lộ trình triển khai CPĐT: Hệ thống cổng TTĐT, hệ thống thư điện tử, hệ thống Điều hành tác nghiệp, hệ thống Dịch vụ công,...
- Về phát triển hạ tầng kỹ thuật: Lào Cai xây dựng và kết nối mạng WAN, LAN, thông tin tại trụ sở hợp khối cho các cơ quan Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành tại khu hành chính mới, với đường truyền tốc độ cao, băng thông rộng, công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu hạ tầng CNTT đến 2020 cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh. Mạng truyền dẫn cáp quang được đầu tư đến tất cả 9/9 trung tâm huyện. Mạng Intranet/Internet dùng chung của tỉnh được nâng cấp với cấu hình mạnh, công nghệ hiện đại. Mạng MAN được đầu tư xây dựng mới tại khu đô thị mới Lào Cai- Cam Đường, cho phép kết nối tất cả cơ quan Đảng, chính quyền với nhau, tạo thành mạng thông tin đồng bộ, tốc độ cao.

Giải pháp CQĐT liên kết – CGF ở Lào Cai

- Công tác ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của HĐND, UBND tỉnh và phục vụ người dân, doanh nghiệp, được tỉnh Lào Cai triển khai đồng bộ cho các cơ quan khối Đảng, hành chính nhà nước từ tỉnh đến huyện. Cổng thông tin điện tử tỉnh gồm cổng chính và 35 cổng thành viên, với 20 kênh chuyên đề. Cổng thông tin tác nghiệp gồm một cổng chính với 33 cổng thành viên phục vụ cho hoạt động nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước, hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành tại các đơn vị, thúc đẩy cải cách hành chính. Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc đã được triển khai và hoạt động ổn định tại 100% sở, ngành, văn phòng UBND huyện, thành phố. Hệ thống giao ban trực tuyến được xây dựng đưa vào sử dụng ổn định chất lượng cao, với 11 điểm cầu kết nối tỉnh với 9 huyện, thành phố. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến được tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, đã cung cấp 1238 dịch vụ công trực tuyến; trong đó cung cấp 33 dịch vụ mức độ 3. Cổng thương mại điện tử thu hút trên 2.800 doanh nghiệp Việt Nam tham gia hoạt động, với trên 260 doanh nghiệp trong tỉnh, 98 doanh nghiệp nước ngoài,...

Nhận xét, đánh giá và vấn đề đặt ra

Ưu điểm, thành tựu

01 Ở bình diện chung của CPĐT

- Trong những năm qua, ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ điện tử đã được Đảng, Nhà nước quan tâm, chỉ đạo sát sao, ban hành nhiều chủ trương, chính sách, định hướng, thúc đẩy phát triển.
- Tính đến hết năm 2020, việc xây dựng CPĐT và hoạt động của CPĐT ở nước ta đã đạt được nhiều kết quả tốt, góp phần nâng tầm CPĐT ở nước ta, được Liên hợp quốc đánh giá thăng hạng so với năm trước. Cụ thể: Theo Báo cáo của Liên Hợp Quốc năm 2020, Chỉ số phát triển CPĐT Việt Nam tăng 2 bậc so với năm 2018, xếp hạng 86/193 quốc gia, 23/47 Châu Á và 6/11 Đông Nam Á. Chỉ số tổng hợp của Việt Nam là 0,6667, cao hơn chỉ số trung bình thế giới và khu vực, thuộc nhóm quốc gia ở mức cao. Trong các chỉ số thành phần, Việt Nam có cải thiện vượt bậc ở Chỉ số Hạ tầng viễn thông (tăng 31) bậc, cải thiện ở Chỉ số Nhân lực (tăng 3 bậc) và tụt hạng đáng kể ở Chỉ số Dịch vụ trực tuyến (giảm 22 bậc).

Ưu điểm, thành tựu

01 Ở bình diện chung của CPĐT

- **Kết quả xếp hạng của Việt Nam trong 3 chỉ số phụ như sau:**

Chỉ số Tham gia điện tử:



Việt Nam tăng 2 bậc, xếp hạng 70/193 toàn cầu, 22/47 Châu Á và 6/11 Đông Nam Á, thuộc nhóm quốc gia ở mức cao.

Chỉ số Dịch vụ trực tuyến của địa phương



Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương duy nhất của Việt Nam trong danh sách, xếp thứ 42/100, thuộc nhóm quốc gia ở mức Trung bình.

Chỉ số Dữ liệu mở:



Việt Nam xếp hạng 97/193 quốc gia, 26/47 châu Á và 6/11 Đông Nam Á, thuộc nhóm quốc gia ở mức Trung bình.

Ưu điểm, thành tựu

02 Ở bình diện chính quyền địa phương điện tử

- Giai đoạn 2015-2020, các địa phương tập trung thực hiện các chương trình quốc gia về Chính phủ điện tử, đã đem lại những kết quả nhất định cho CQĐPĐT, góp phần nâng hạng chỉ số Chính phủ điện tử của Việt Nam.
- Đến năm 2020, chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Vietnam Index 2020) Việt Nam ở cấp độ địa phương cho thấy nhiều chỉ số cao. Ví dụ, tỷ lệ triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc trên mạng đạt trên 99%; tỷ lệ triển khai hệ thống một cửa điện tử đạt từ 97% trở lên.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến các tỉnh đạt tổng điểm (điểm tổng hợp) 61%, cao hơn 2 điểm so với các Bộ, ngành ở Trung ương, trong đó, tỷ lệ ở các mức độ DVCTT lần lượt là: Mức 1 – 83,2%, Mức 2 – 72,8%, Mức 3 – 58,6%, Mức 4 – 25,8%.
- Điều đáng nói là, ở các địa phương, quá trình triển khai xây dựng CQĐPĐT không đồng đều, tương đồng về hình thức, mức độ, quy mô triển khai, nên đã đem lại sự đa dạng trong tổ chức và hoạt động của CQĐPĐT.

Ưu điểm, thành tựu

02 Ở bình diện chính quyền địa phương điện tử

- Trong số các địa phương triển khai tích cực ứng dụng CNTT có một số đơn vị đã bước đầu xây dựng và hình thành mô hình CQĐT cấp tỉnh/thành phố, trước tiên có thể kể tới thành phố Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Lào Cai và một số tỉnh/thành phố khác. Các địa phương này đã chủ động xây dựng và phê duyệt mô hình CQĐT thống nhất trong toàn tỉnh/thành phố nhằm quy hoạch nhóm các ứng dụng nghiệp vụ cho từng ngành, cũng như nhóm các ứng dụng, dịch vụ kỹ thuật cơ bản, dùng chung cho toàn bộ hệ thống CQĐT, phục vụ kết nối liên thông cho các ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN trên địa bàn tỉnh/thành phố. Ví dụ về một số thành tựu tiêu biểu của CQĐPĐT ở một số tỉnh, thành như Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Lào Cai.
- Một số tỉnh thành phố khác, CQĐPĐT đã và đang được đầu tư mạnh mẽ, tập trung vào việc xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu và xây dựng trực tích hợp dịch vụ (ESB) để đảm bảo kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ công cho địa phương Việc xây dựng trực tích hợp dịch vụ (ESB) sẽ giải quyết được bài toán chia sẻ thông tin đối với các dự án ứng dụng CNTT đã đầu tư trước bằng nhiều công nghệ, nền tảng khác nhau mà không phải bỏ đi làm mới hoàn toàn, nên rất tiết kiệm được kinh phí đầu tư và phù hợp với những địa phương có nguồn ngân sách hạn chế, không thể cùng một lúc đầu tư đồng bộ hàng nghìn tỷ (Quảng Ninh, Đà Nẵng...) để xây dựng mới đồng bộ toàn bộ hệ thống ứng dụng.

Tồn tại, hạn chế

01 Ở bình diện chung của CPĐT

- **Một số tồn tại hạn chế trong nội tại CPĐT:**
- **Về dữ liệu:** Các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử chậm được triển khai, các Cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng như Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư và Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia chưa được hình thành. Các giao dịch giữa các cơ quan nhà nước, nhất là trong cung cấp dịch vụ công vẫn duy trì đồng thời qua phương thức truyền thống giấy tờ và trực tuyến.
- **Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Dịch vụ công trực tuyến được triển khai rộng khắp tại các bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa cao, số lượng hồ sơ xử lý tuyến còn rất hạn chế.
- **Về an toàn, an ninh mạng:** An toàn, an ninh mạng tại các bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức. Tỷ lệ đầu tư cho an toàn, an ninh mạng còn thấp (khoảng 5%).
- **Về hạ tầng kỹ thuật và nền tảng dùng chung:** Hạ tầng kỹ thuật trong các cơ quan nhà nước nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu. Hạ tầng điện toán đám mây chưa được sử dụng nhiều, còn tâm lý muốn đầu tư riêng, không bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Tồn tại, hạn chế

01 Ở bình diện chung của CPĐT

- **Một số hạn chế khác từ các yếu tố bảo đảm đối với CPĐT:**
- **Về thể chế:** Môi trường pháp lý cho phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số chưa hoàn thiện, nhiều khó khăn, vướng mắc chỉ có thể giải quyết ở mức luật, một số Nghị định quan trọng tạo hành lang pháp lý cho triển khai Chính phủ điện tử chưa được ban hành (Nghị định về định danh, xác thực điện tử; Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;...).
- **Về kinh phí đầu tư cho phát triển CPĐT:** Kinh phí đầu tư cho Chính phủ điện tử chưa đáp ứng nhu cầu nhiều năm. Ước tính so với tổng dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm, chi cho phát triển Chính phủ điện tử chỉ chiếm khoảng 0,3%, trong khi tỷ lệ trung bình thế giới khoảng 1-2%. Các quốc gia chú trọng phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, như Singapore, thậm chí tỷ lệ này ở mức 4%.

Tồn tại, hạn chế

02 Ở bình diện chính quyền địa phương điện tử

- Chưa có sự đồng bộ về kiến trúc, công nghệ, tiêu chuẩn cho các hệ thống ứng dụng, dữ liệu và hạ tầng nền tảng do yếu tố lịch sử để lại. Các sở ban ngành và đơn vị trực thuộc tỉnh/thành đã triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành một cách rời rạc, không đồng bộ, chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ tác nghiệp cấp bách cho đơn vị;
- Các hệ thống thông tin rời rạc này đã và đang phát sinh nhiều dữ liệu “thô”. Nguồn dữ liệu này tuy phong phú nhưng thiếu nhất quán, thiếu lưu trữ lịch sử, khó khăn truy cập và khó tích hợp, nên chưa chuyển đổi được thành thông tin hữu dụng để chia sẻ, hỗ trợ công tác quản lý và điều hành;
- Các ứng dụng công nghệ thông tin theo ngành dọc chưa có sự phối hợp và kế hoạch phân công triển khai một cách chặt chẽ giữa các Bộ, ngành và tỉnh/thành. Do đó, một số ứng dụng do các sở ban ngành tỉnh tự phát triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu nghiệp vụ cấp bách không phát huy được hiệu quả, trong khi các chức năng ứng dụng theo ngành dọc của các Bộ ngành lại không đủ chức năng đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ và báo cáo đặc thù của tỉnh/thành;

02 Ở bình diện chính quyền địa phương điện tử

- Chưa đáp ứng tốt yêu cầu về liên thông, kết nối giữa các ứng dụng: tỉnh/thành chưa triển khai các trục liên thông kết nối giữa các hệ thống ứng dụng làm nền tảng cho việc chuẩn hóa, tự động hóa quy trình và đơn giản thủ tục hành chính cho người dân;
- Chưa đáp ứng tốt yêu cầu về chia sẻ, dùng chung dữ liệu: Các dữ liệu chưa được chuẩn hóa và chưa có sự chia sẻ rộng rãi giữa các đơn vị, làm cơ sở cho việc liên thông về nghiệp vụ và đơn giản thủ tục hành chính cho người dân; nhiều dữ liệu còn nằm trên giấy tờ, làm hạn chế hiệu quả hoạt động và khả năng phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản trị, điều hành, ra quyết định;
- Các thiết bị máy tính của một số UBND cấp xã, phường, thị trấn đã cũ và hết hạn sử dụng.
- Hệ thống an ninh thông tin đang được đầu tư nhỏ lẻ ở mức các hệ thống cơ bản như tường lửa, phần mềm diệt virus. Các quy trình chặt chẽ về an ninh thông tin cũng chưa được xây dựng và thực hiện.
- Số lượng cán bộ, công chức của tỉnh/thành khá lớn nhưng trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, khả năng tiếp nhận, sử dụng và khai thác hiệu quả các phần mềm còn hạn chế. Do đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian qua chưa tạo ra được đồng bộ và chuyển biến rõ nét trên toàn tỉnh.

02 Ở bình diện chính quyền địa phương điện tử

- Năng lực phân tích dữ liệu lớn phục vụ công tác quản trị, ra quyết định chưa được hình thành. Công tác báo cáo số liệu còn mang tính thủ công, một phần hỗ trợ qua hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh. Lãnh đạo tỉnh/thành và Lãnh đạo các sở ban ngành chưa được cung cấp đầy đủ, kịp thời các số liệu mang tính tổng hợp cao về tình hình hiện tại hoặc dự báo xu hướng của các vấn đề có phạm vi toàn tỉnh/thành/toàn ngành để có thể nhanh chóng ra quyết định;
- Số lượng doanh nghiệp, đặc biệt là số lượng người dân tham gia sử dụng các dịch vụ công trực tuyến vẫn chưa nhiều như tỉnh/thành mong muốn, một phần do các dịch vụ công chưa được thuận tiện cho người sử dụng, chưa được cung cấp trên nền tảng thiết bị di động, một phần vì nhiều dịch vụ công vẫn chưa hoàn toàn liên thông, người dân và doanh nghiệp vẫn phải tới cơ quan nhà nước để được đối chiếu với hồ sơ chứng từ gốc;
- Hiện tại nguồn kinh phí phân bổ cho các dự án CNTT cho các Sở ngành trên địa bàn tỉnh/thành còn hạn chế nên phần nào ảnh hưởng đến việc ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính tại địa phương.

02 Ở bình diện chính quyền địa phương điện tử

- Trong các tồn tại, hạn chế trên, sự đồng bộ trong việc triển khai ứng dụng CNTT tại địa phương là nổi trội. Cho đến nay, một số địa phương như Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Đồng Nai đã có những thành công bước đầu trong triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng nhờ vào việc xây dựng và ban hành các quy chế thực hiện gửi nhận văn bản trên mạng giữa các cơ quan quản lý nhà nước. Sự đồng thuận giữa các sở, ban, ngành trong việc thực hiện các quy trình hành chính điện tử sẽ đảm bảo tính pháp lý và là nền tảng cho việc xây dựng các ứng dụng của CQĐT tại địa phương.
- Hệ thống hạ tầng CNTT ở một số thành phố vẫn còn thiếu sự đồng bộ. Việc các sở, ban, ngành cùng triển khai các ứng dụng CNTT nhưng thiếu một quy hoạch chung sẽ dẫn đến việc phát triển vì lợi ích cục bộ và lãng phí. Việc phát triển các CSDL như CSDL dân cư do ngành công an quản lý, CSDL công chức do ngành nội vụ quản lý không có tính liên thông và chia sẻ dữ liệu với CSDL đất đai do ngành tài nguyên môi trường xây dựng đã làm lãng phí khá nhiều ngân sách trong việc thu thập dữ liệu và sự không đồng bộ trên các nền dữ liệu.

02 Ở bình diện chính quyền địa phương điện tử

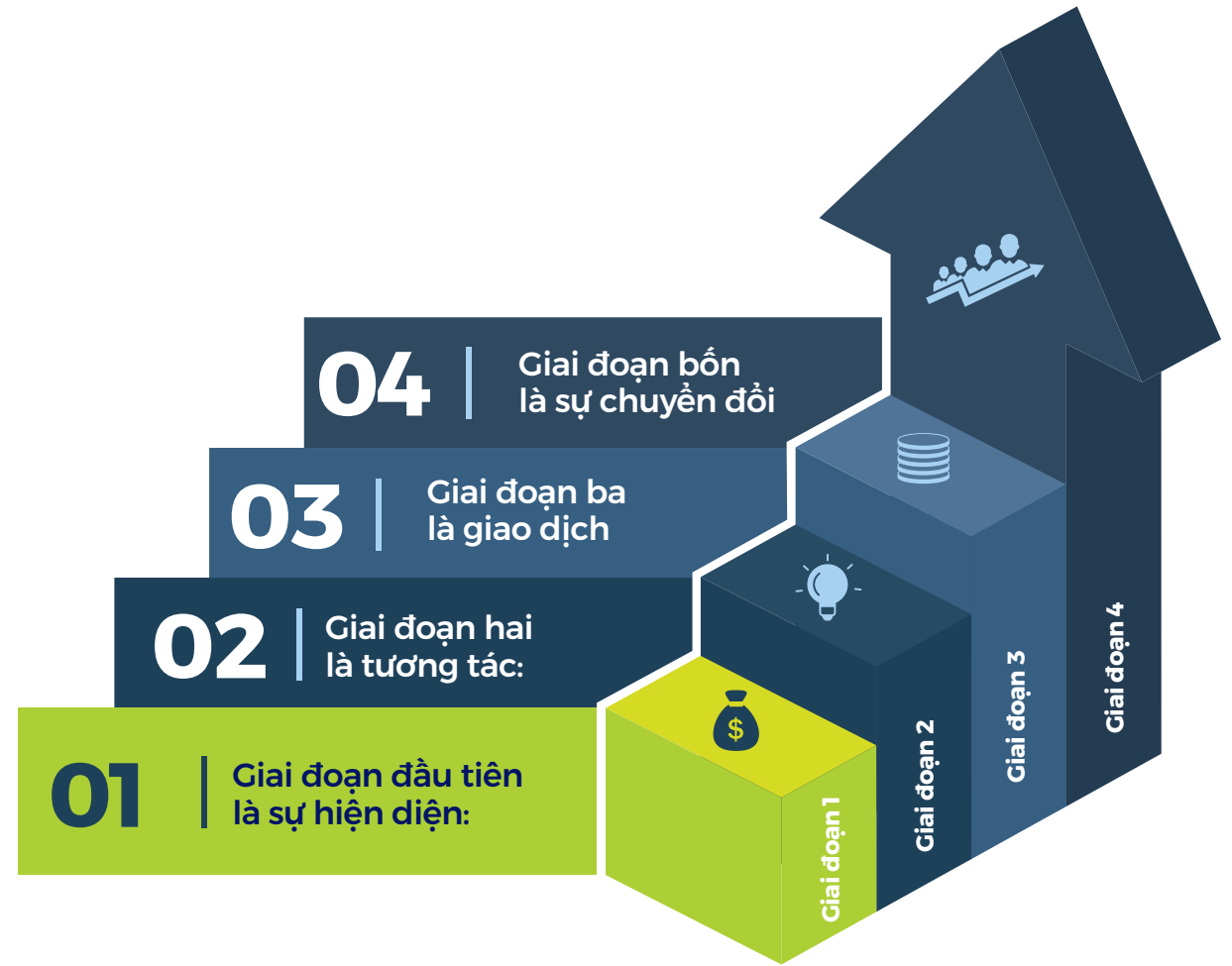
- Ngoài ra , việc liên thông, kết nối hệ thống một cửa điện tử của tỉnh với hệ thống một cửa điện tử của các bộ, ngành chưa được thực hiện, đặc biệt các ngành có nhiều hồ sơ như: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Giao thông vận tải, Công an, Bảo hiểm..., do các bộ sử dụng phần mềm riêng, chưa sẵn sàng tích hợp, liên thông với hệ thống CQĐT của tỉnh, dẫn tới một công việc phải nhập liệu nhiều lần để thực hiện thống kê, báo cáo và theo dõi.
- Nhiều tồn tại, hạn chế đã từng được Chính phủ chỉ ra từ năm 2019, như: còn thiếu khung pháp lý đồng bộ về xây dựng Chính phủ điện tử; việc xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, hạ tầng công nghệ thông tin nền tảng phục vụ phát triển Chính phủ điện tử còn chậm, bảo mật, an toàn, an ninh thông tin thấp, chưa kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin; cơ chế đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin vẫn còn vướng mắc; ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai chưa hiệu quả, việc giải quyết thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ công việc còn phụ thuộc nhiều vào giấy tờ, thủ công; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn rất thấp.

Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề trên

- Là do chưa phát huy vai trò của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện; cơ chế bảo đảm thực thi nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử chưa đủ mạnh, các cấp, các ngành chưa xác định rõ lộ trình và các mục tiêu cụ thể trong triển khai; còn thiếu khung pháp lý đồng bộ về xây dựng Chính phủ điện tử; thiếu cơ chế tài chính và đầu tư phù hợp với đặc thù dự án công nghệ thông tin; thiếu quy định cụ thể về định danh, xác thực cá nhân, tổ chức trong giao dịch điện tử; thiếu các quy định pháp lý về văn thư, lưu trữ điện tử; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của cơ quan hành chính nhà nước chậm được triển khai; tình trạng cát cứ thông tin, dữ liệu còn phổ biến dẫn đến trùng lặp, không thống nhất; việc bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước còn chưa được quan tâm đúng mức; nhiều bộ, ngành, địa phương còn coi nhẹ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; việc triển khai còn mang tính hình thức, thói quen thủ công, giấy tờ chưa được khắc phục; còn thiếu gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính và đổi mới lề lối, phương thức làm việc; chưa chú trọng công tác truyền thông và huy động tối đa nguồn lực xã hội trong xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử...

Đánh giá về mức độ phát triển của CPĐT ở nước ta.

Thời gian gần đây, Việt Nam là một trong những quốc gia có nhiều sự cải thiện về trình độ phát triển của chính phủ điện tử. Theo Liên Hợp quốc, chính phủ điện tử ở các nước sẽ trải qua 5 giai đoạn của sự phát triển. Hiện tại, việc xây dựng chính phủ điện tử Việt Nam đã trải qua được 4 giai đoạn phát triển:



Đánh giá về mức độ phát triển của CPĐT ở nước ta.

- **Giai đoạn đầu tiên là sự hiện diện:** Xây dựng hạ tầng thông tin đơn giản: cung cấp những các thức truy cập và tìm kiếm thông tin đơn giản cho người sử dụng. Đồng thời, tạo cơ sở dữ liệu nền tảng với mục đích thuần túy là chỉ cung cấp thông tin. Bên cạnh đó, người dùng không có giao diện và chức năng để trao đổi thông tin với chính phủ và mọi người.
- **Giai đoạn 2 là tương tác:** Dần hoàn thiện quá trình đồng bộ của việc chuyển đổi dữ liệu. Đồng thời tích hợp các công cụ tương tác nghĩa là website cho phép mọi người có thể tương tác với nhau để rút ngắn khoảng cách giữa chính phủ và người dân, giữa công dân và công dân. Tuy nhiên, ở giai đoạn này thông tin và các chức năng trên website còn nhiều hạn chế: cho phép tải mẫu in ấn và gửi trả lại một cơ quan, tạo email liên lạc,...
- **Giai đoạn 3 là giao dịch:** Đa dạng hóa các tính năng: bổ sung thêm tính năng để công dân thực hiện hoàn toàn các giao dịch điện tử 24 giờ trong ngày, và ở bất kì đâu. Đồng thời, tăng mức độ tương tác trong các giao dịch do với giai đoạn trước đó tuy nhiên các hoạt động này vẫn đang diễn ra một chiều là chủ yếu.
- **Giai đoạn 4 là sự chuyển đổi:** Ở giai đoạn này, sẽ ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức và thực hiện những sự thay đổi trong chức năng của dịch vụ. Đồng thời, các tính năng trong dịch vụ của chính phủ có thêm sự quản lý mối quan hệ khách hàng để có thể đáp ứng được các nhu cầu đặt ra và xử lý các câu hỏi, các vấn đề quen thuộc.

Bài học kinh nghiệm cho phát triển CQĐPĐT:

Thành công trong ứng dụng CNTT tại các địa phương trên đều có sự điều hành trực tiếp của lãnh đạo địa phương và nỗ lực xây dựng, triển khai của các đơn vị chuyên trách về CNTT. Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình ứng dụng CNTT của thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Lào Cai và một số tỉnh là những kinh nghiệm quý cho các địa phương:



Bài học kinh nghiệm cho phát triển CQĐPĐT:

- 1. Một là** Lãnh đạo phải có quyết tâm chính trị và tạo được sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị; sự phối hợp, tham gia của các cấp, ngành, đơn vị liên quan phải thực sự tích cực.
- 2. Hai là** Để triển khai đồng bộ hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến có hiệu quả phải gắn liền với việc cải cách thủ tục hành chính, thành lập Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp Tỉnh, cấp Huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã để tập trung và thống nhất việc giải quyết thủ tục hành chính. Phải lấy yêu cầu và kết quả cải cách thủ tục hành chính làm thước đo mức độ hiệu quả của ứng dụng CNTT, giúp CQNN nhanh chóng hình thành danh mục, lộ trình đầu tư và cách thức theo dõi, đánh giá mức độ sẵn sàng về chính quyền, cơ quan điện tử trong việc phục vụ người dân, doanh nghiệp.
- 3. Ba là** Đào tạo và phát triển nhân lực CNTT cả về quản lý, triển khai, ứng dụng là khâu quan trọng đảm bảo sự thành công của CQĐT. Đồng thời, phải tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức đến toàn thể cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân; sự vào cuộc tham gia của các cấp, các ngành, đặc biệt là Đoàn thanh niên các cấp phải tích cực, chủ động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

Bài học kinh nghiệm cho phát triển CQĐPĐT:

- 4. Bốn là** Phát triển hạ tầng CNTT-TT phải hiện đại và đi trước một bước.
- 5. Năm là** Đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT phải có lộ trình thích hợp và phải huy động được mọi nguồn lực; Triển khai ứng dụng CNTT trong phạm vi nội bộ của CQNN cũng phải tuân thủ nguyên tắc thí điểm trước, sau đó đánh giá, xem xét và rút kinh nghiệm mở rộng.
- 6. Sáu là** Đối với các dự án đầu tư hệ thống thông tin có phạm vi triển khai rộng, quy mô đầu tư lớn, độ phức tạp cao, các chủ đầu tư cần quan tâm: Điều tra, khảo sát tình hình, kinh nghiệm triển khai trong và ngoài nước để học tập, rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, không vì thế mà không triển khai các hệ thống thông tin trọng điểm, chưa ở đâu triển khai, có thể lựa chọn cách làm như bài học số năm nêu trên. Nghiên cứu, đề xuất và trình người có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách liên quan để đảm bảo tính khả thi trong quá trình xây dựng, triển khai và tính hiệu quả khi đưa hệ thống thông tin vào khai thác, sử dụng. Đề xuất cơ chế, chính sách này phải thực hiện ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư của dự án.

PHẦN 2

XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ

Mục tiêu

- **1.**

Phát triển Chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế lại và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

- **2.**

Phát triển Chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, phát huy kết quả đạt được, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, có giải pháp, cách làm đột phá, mang tính khác biệt, để cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025.

Mục tiêu

- **3.**

Định hướng mở để người dân, doanh nghiệp và tổ chức khác tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để cùng tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

- **4.**

Dữ liệu là tài nguyên mới. Cơ quan nhà nước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Các cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ dữ liệu để người dân chỉ phải khai báo, cung cấp dữ liệu một lần cho các cơ quan nhà nước và các đơn vị cung ứng dịch vụ công thiết yếu.

Mục tiêu

● 5.

Nền tảng là giải pháp đột phá. Kết hợp mô hình triển khai tập trung và phân tán, tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc của các bộ, ngành, địa phương. Phát triển các nền tảng theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thông suốt các cấp hành chính để có thể sử dụng tại mọi nơi. Các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ quy mô quốc gia phải được làm trước, làm tốt, làm tập trung.

● 6.

Thị trường trong nước nuôi dưỡng, phát triển sản phẩm công nghệ số Make in Việt Nam, từ đó vươn ra khu vực và thế giới. Chính phủ chủ động điều phối, quy hoạch, triển khai các hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường nhằm mục tiêu kép vừa phát triển Chính phủ số, vừa phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Đa dạng về quy mô, hướng tới làm chủ, phát triển các công nghệ lõi, nền tảng mở phục vụ Chính phủ số, hình thành hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ Make in Việt Nam.

Tầm nhìn đến năm 2030

- Việt Nam có chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở mức độ cao trên thế giới, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên hợp quốc.
- Chính phủ số chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp giảm chi phí, tăng năng suất của doanh nghiệp, tạo thuận lợi, mang lại sự hài lòng của người dân, để người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của cơ quan nhà nước để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng, niềm tin và đồng thuận xã hội.
- Chính phủ số chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.

Mục tiêu đến năm 2025

01 Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội

- Cơ quan nhà nước cắt giảm, tái cấu trúc, đơn giản hóa, chuẩn hóa, thống nhất các thủ tục hành chính phục vụ xã hội trên phạm vi toàn quốc.
- Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ mới trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ, giảm chi phí, tăng năng suất lao động xã hội một cách chủ động, kịp thời đáp ứng nhu cầu của xã hội.
- Người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số theo nhu cầu cá thể hóa, theo suốt cuộc đời, khi cần, theo cách thuận tiện, trực tuyến hoặc trực tiếp, dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng, không giấy tờ, không cần sự hiện diện nếu pháp luật không yêu cầu.

Mục tiêu đến năm 2025

01

Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội

- **Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:**

a) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

b) 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.

c) 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

d) Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

đ) Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

e) Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.

Mục tiêu đến năm 2025

02 Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội

- Người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác có thể dễ dàng tham gia ý kiến đóng góp cho hoạt động của cơ quan nhà nước, phản ánh những vấn đề của xã hội xung quanh mình tới cơ quan nhà nước và nhận được ý kiến phản hồi về sự tham gia, kết quả tham gia của mình.
- Doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp dịch vụ công hoặc phát triển những dịch vụ mới, sáng tạo, giúp xã hội có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công của cơ quan nhà nước.
- Nhà nước, người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác cùng tham gia phổ cập việc sử dụng dịch vụ công nói riêng, chuyển đổi số nói chung.

Mục tiêu đến năm 2025

02

Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội

- **Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:**

a) 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

c) 100% công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

Mục tiêu đến năm 2025

03

Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước

- Cơ quan nhà nước thiết kế mô hình tổ chức, cách thức vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tạo ra môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, kết nối và hợp tác với nhau dễ dàng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn.
- Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số, có năng lực kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Mục tiêu đến năm 2025

03 Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước

- **Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:**

- a) 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần. 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.
- b) 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.
- c) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.
- d) 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Mục tiêu đến năm 2025

03 Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước

- d) 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.
- e) 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.
- g) 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.
- h) Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- i) Tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.
- k) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

Mục tiêu đến năm 2025

04

Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

- Cơ quan nhà nước có khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực.

Mục tiêu đến năm 2025

04

Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

- **Một số vấn đề cơ bản bao gồm:**

a) Mỗi người dân có danh tính số kèm theo QR code, tiến tới đều có điện thoại thông minh. Mỗi hộ gia đình có địa chỉ số, có khả năng truy cập Internet cáp quang băng rộng.

b) Mỗi người dân đều được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

c) Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân. Mỗi trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số. Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế. Mỗi bệnh viện, trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh.

Mục tiêu đến năm 2025

04

Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

- d) Mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số. Triển khai đại học số là quốc gia số thu nhỏ, thay đổi mô hình dạy và học để tối ưu hóa vận hành các cơ sở đào tạo đại học, tối ưu hóa trải nghiệm học tập của sinh viên và khuyến khích các mô hình đào tạo mới.

đ) Mỗi người nông dân đều có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng.

e) Mỗi người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm. Mỗi người dân đều có khả năng tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến MOOC (Massive Open Online Course) được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.

Mục tiêu đến năm 2025

04

Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

- g) Mỗi tuyến giao thông đường bộ cao tốc đều được triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. Triển khai thu phí điện tử không dừng tại tất cả các trạm thu phí trên toàn quốc, xóa bỏ tất cả các làn thu phí sử dụng tiền mặt. Mỗi phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ. Giảm chi phí dịch vụ giao nhận - kho vận và xây dựng được chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận làm chủ bởi doanh nghiệp Việt Nam.
- h) Mỗi người nhập cảnh, xuất cảnh tại Việt Nam đều có thể dễ dàng, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện các thủ tục cần thiết nhờ sự trợ giúp hiệu quả của các quy trình đã được tự động hóa, thuộc nhóm 03 nước tốt nhất trong khu vực Đông Nam Á.
- i) Mỗi hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh được quản lý từ khâu đầu đến khâu cuối sử dụng nền tảng công nghệ số, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện thủ tục hải quan, thuộc nhóm 03 nước tốt nhất trong khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu đến năm 2025

04

Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

- k) Mỗi hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh.
- l) Mỗi cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp có thể dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.
- m) Mỗi di sản của Việt Nam đều có hiện diện số và hình thành bản di sản số để người dân, khách du lịch có thể truy cập thuận lợi trên môi trường số.

Mục tiêu đến năm 2025

05 Thay đổi đột phá xếp hạng quốc gia

- Xếp hạng quốc gia của Việt Nam về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo đánh giá của Liên Hợp Quốc có sự thay đổi đột phá.
- **Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:**
 - a) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tổng thể.
 - b) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tham gia điện tử.
 - c) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số dữ liệu mở.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

01 Hoàn thiện môi trường pháp lý

- a) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở mức luật, tạo điều kiện phát triển Chính phủ số giai đoạn mới.
- b) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ để có quy định về lưu trữ điện tử, tạo điều kiện pháp lý cho việc thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn trong hoạt động và quy trình làm việc của các cơ quan, tổ chức nhà nước.
- c) Nghiên cứu, xây dựng Luật Chính phủ số và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo điều kiện phát triển Chính phủ số.
- d) Ban hành Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước để có các quy định phù hợp, cung cấp các dịch vụ số đa dạng, thuận tiện hơn, tăng cường sự tương tác với người dân và doanh nghiệp, chất lượng dịch vụ được đánh giá dựa trên mức độ hài lòng của người dùng.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

01 Hoàn thiện môi trường pháp lý

- đ) Ban hành Nghị định của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử, và hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.
- e) Ban hành Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để phù hợp với xu thế phát triển Chính phủ số và định hướng chuyển đổi số của Việt Nam.
- g) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành khai thác Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- h) Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi. Hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và xây dựng khung pháp lý cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật. Không gian thí điểm dịch vụ số là không gian số cho phép mọi sản phẩm, dịch vụ số sáng tạo, chưa được quy định bởi các văn bản quy phạm pháp luật

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

01 Hoàn thiện môi trường pháp lý

Có thể triển khai thí điểm với điều kiện được giám sát chặt chẽ bằng công nghệ về phạm vi, quy mô và mô hình hoạt động. Khi đạt đến quy mô nhất định, tổ chức đánh giá để xây dựng hành lang pháp lý cần thiết.

i) Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số theo kịp sự phát triển của công nghệ, bảo đảm sự phát triển đồng bộ các mô hình Chính phủ số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, kết nối liên thông, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

k) Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu của Chính phủ số, chính quyền số nhằm triển khai Chính phủ số đồng bộ trên quy mô toàn quốc, bảo đảm kết nối, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

l) Bảo đảm môi trường pháp lý để mọi người dân, doanh nghiệp tham gia bình đẳng vào quá trình chuyển đổi số, được bảo vệ an toàn thông tin và dữ liệu riêng tư, được sử dụng mã số điện tử gắn với QR code thuận lợi.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

02

Phát triển hạ tầng số

a) Hạ tầng mạng

- Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 04 cấp hành chính từ trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số;
- Triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm năng lực, an toàn thông tin cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước làm hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ Chính phủ số.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

02

Phát triển hạ tầng số

b) Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ

- Hệ sinh thái đám mây phục vụ Chính phủ số gồm Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC), đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) và đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính phủ số (EGC);
- Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC) thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho Chính phủ số trên quy mô toàn quốc được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng; kết nối, khai thác hiệu quả các hệ thống đám mây của doanh nghiệp (EGC) để cung cấp hạ tầng điện toán đám mây cho Chính phủ số.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

03 Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia

- a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trên quy mô toàn quốc thông qua việc kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương (LGSP).
- b) Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA) hướng tới xây dựng mô hình liên hiệp định danh, tận dụng tối đa các hình thức xác thực điện tử hiện có để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai.
- c) Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia tạo điều kiện cho việc trao đổi tài nguyên học tập, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng số trực tuyến trên quy mô quốc gia.
- d) Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích trong Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

03 Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia

- đ) Xây dựng Hệ thống kiểm định chức năng, hiệu năng các sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số.
- e) Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.
- g) Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước.
- h) Xây dựng Cổng công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam để cung cấp công khai, minh bạch thông tin về các giải pháp, nền tảng công nghệ mở mà cơ quan nhà nước đang sử dụng hoặc doanh nghiệp Việt Nam phát triển; đồng thời tham gia tích cực vào công tác xây dựng các chuẩn mở và cộng đồng nguồn mở quốc tế.
- i) Xây dựng bản đồ số quốc gia mở làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế - xã hội.
- k) Xây dựng nền tảng QR code cho phép liên thông thống nhất các mã định danh của người dân, tổ chức trong toàn xã hội.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

03 Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia

l) Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia, các nền tảng thương mại điện tử, giao nhận - kho vận phục vụ phát triển kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu xóa nghèo, các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các đề án thành phần.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

04 Phát triển dữ liệu số quốc gia

- a) Phát triển dữ liệu số quốc gia tạo nền tảng cho triển khai Chính phủ số, bảo đảm cung cấp dữ liệu số cho các dịch vụ công trực tuyến, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa các cơ quan nhà nước, cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.
- b) Các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước cần được phát triển trước. Xác định dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp là dữ liệu trụ cột, cốt lõi cần phải hoàn thành, đưa vào khai thác sớm để dẫn dắt, liên kết, thống nhất toàn bộ dữ liệu trong cơ quan nhà nước về các ngành, lĩnh vực.
- c) Xây dựng dữ liệu có phạm vi toàn quốc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên dữ liệu trong các lĩnh vực quan trọng: hạ tầng không gian địa lý; bảo hiểm, y tế, an sinh xã hội; tài chính; căn cước; hộ tịch; giáo dục; đào tạo; cán bộ công chức, viên chức; nông nghiệp; lao động, việc làm; phương tiện giao thông, xây dựng, xuất nhập khẩu.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

05 Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia

- a) Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân và doanh nghiệp có thể truy cập đến các dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương qua một địa chỉ duy nhất trên mạng, tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các bộ, ngành, địa phương theo lộ trình phù hợp theo Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cổng dịch vụ công quốc gia.
- b) Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng nhằm minh bạch, tăng cường chia sẻ dữ liệu, thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
- c) Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa tạo môi trường thuận lợi thu hút mọi cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp tham gia tích cực đóng góp và khai thác các tài nguyên tri thức số.
- d) Xây dựng Nền tảng hợp trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ, Nền tảng trợ lý ảo, đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin đã được xây dựng tại các bộ, ngành, địa phương.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

05 Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia

- đ) Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- e) Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ để thu thập, tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước để tổng hợp, phân tích dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- g) Phát triển Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (eCabinet) để rút ngắn thời gian họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- h) Phát triển, hoàn thiện Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, để theo dõi, đo lường, đánh giá kết quả triển khai nhiệm vụ các bộ, ngành, địa phương thực hiện.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

05 Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia

- i) Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số dựa trên công nghệ hiện đại, có khả năng cung cấp thông tin, báo cáo đa chiều và mở rộng khả năng truy cập tới người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và phục vụ hữu hiệu cho công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách nhà nước.
- k) Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, kết nối chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số để thực hiện đấu thầu, mua sắm tài sản công qua mạng, quản lý thống nhất thông tin, cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước và nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách nhà nước.
- l) Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia khác để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các đề án thành phần.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

06 Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia

- a) Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ điện tử.
- b) Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử.
- c) Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin.
- d) Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia.
- đ) Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.
- e) Xây dựng hệ thống thẩm định an ninh mạng, kiểm tra an ninh mạng, đánh giá điều kiện an ninh mạng, giám sát an ninh mạng, ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia theo quy định tại Luật An ninh mạng.

Nhiệm vụ trọng tâm Quốc gia

06 Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia

- g) Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, các nhà mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chính phủ số.
- h) Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước tại các cơ quan, các nhà mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chính phủ số.
- i) Phát triển, hoàn thiện hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.
- k) Xây dựng Hệ thống kiểm định, đánh giá sản phẩm mật mã phục vụ Chính phủ số.

Nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương

01 Hoàn thiện quy chế, quy định

- a) Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số và Chính quyền số các cấp phù hợp với định hướng Chiến lược này.
- b) Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình phù hợp với định hướng Chiến lược này.
- c) Rà soát, ban hành các chính sách, quy định khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số.

Nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương

02 Phát triển hạ tầng số

- a) Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.
- b) Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp và thực hiện kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.
- c) Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

Nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương

03 Phát triển nền tảng, hệ thống

- a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ bộ, ngành, địa phương và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.
- b) Phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Đối với các bộ, tỉnh, Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng có thể là một bộ phận của Hệ thống Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC), tránh trùng lặp, lãng phí.
- c) Phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương

04 Phát triển dữ liệu

- a) Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; hầu hết các dữ liệu chủ được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API).
- b) Xây dựng kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp công dân, tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.
- c) Xây dựng Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp bộ, ngành, địa phương.

Nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương

05 Phát triển ứng dụng, dịch vụ số

- a) Phát triển Hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.
- b) Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

Nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương

05 Phát triển ứng dụng, dịch vụ số

- c) Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.
- d) Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- đ) Triển khai các hệ thống làm việc từ xa theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau, bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin của quốc gia, của bộ, ngành, địa phương đã được xây dựng.
- e) Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự

Nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương

05 Phát triển ứng dụng, dịch vụ số

xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ chính quyền số. Triển khai đô thị thông minh tuân thủ Khung tham chiếu ICT, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

g) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài bộ, ngành, địa phương theo nhu cầu.

h) Các bộ, ngành lựa chọn phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia một cách phù hợp cho toàn ngành từ trung ương đến địa phương để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu.

i) Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội,... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hóa, thông minh hóa, tối ưu hóa các quy trình xử lý công việc.

Nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương

06 Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- a) Triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình bốn lớp theo chiều sâu với việc kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá; kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.
- b) Tham gia vào các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động.
- c) Tham gia vào Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

Giải pháp

01 Tổ chức, bộ máy, mạng lưới

- a) Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và chính quyền bốn cấp để triển khai chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số.
- b) Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ Trung ương đến địa phương với nòng cốt gồm các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tại mỗi địa phương.

Giải pháp

02 Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số

- a) Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.
- b) Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng.
- c) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, Khung Kiến trúc, Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Giải pháp

02 Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số

d) Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho phát triển Chính phủ số tại các bộ, ngành, địa phương. Các chuyên gia về Chính phủ số trước hết phải nắm bắt được các xu thế công nghệ mới, các bài học kinh nghiệm, quy định pháp luật, mô hình, quy định kỹ thuật trong triển khai Chính phủ số. Xây dựng mạng lưới chuyên gia về Chính phủ số để chia sẻ tri thức, phối hợp giải quyết các vấn đề lớn.

đ) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

Giải pháp

03 Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

- a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số.
- b) Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa.
- c) Định kỳ hàng năm tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội đã giải quyết có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển Chính phủ số tốt nhất.

Giải pháp

04

Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp

- a) Doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số, trước hết là khuyến khích các cơ chế, chính sách về thuê dịch vụ, hợp tác theo phương thức đối tác công tư, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tham gia các quỹ đầu tư, phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo.
- b) Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt. Chính phủ triển khai một số hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường bằng cách làm trước, cho phép trải nghiệm dùng thử hoặc cung cấp dịch vụ cơ bản.
- c) Cơ quan nhà nước phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp.
- d) Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội.

Giải pháp

05 Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi

- a) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số.
- b) Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số.
- c) Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có khả năng tạo bút phá mạnh mẽ như QR code, trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện sớm triển khai các công nghệ số tiên tiến trong Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số.
- d) Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số trước hết đó là các công nghệ điện toán đám mây, bảo mật, an toàn, an ninh mạng, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, các nền tảng cho phát triển các ứng dụng chuyên ngành.

Giải pháp

05 Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi

- đ) Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain).
- e) Xây dựng các chương trình nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh, tạo nền tảng thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia. Các sản phẩm, dịch vụ này ưu tiên thí điểm ứng dụng trước trong các cơ quan nhà nước, từ đó đánh giá, hoàn thiện, hình thành ra các nền tảng để phục vụ kinh tế số, xã hội số.
- g) Ban hành quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số.

Giải pháp

06 Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ

- a) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ số.
- b) Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số.
- c) Rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

Giải pháp

07 Hợp tác quốc tế

- a) Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về Chính phủ số và phát triển công nghệ số, kinh tế số, trong đó sẵn sàng phát huy vai trò đi đầu trong những lĩnh vực có thế mạnh; tham gia chủ động, tích cực vào việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam.
- b) Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam.

Giải pháp

08

Bảo đảm kinh phí

- a) Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.
- b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng phương án bảo đảm kinh phí, phần đầu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới.
- c) Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia sử dụng vốn đầu tư công do ngân sách trung ương đảm bảo.

Giải pháp

09

Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

- a) Thực hiện đo lường, giám sát tự động tới từng hệ thống, từng dịch vụ phục vụ Chính phủ số.
- b) Giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư được thực hiện dựa trên số liệu.
- c) Định kỳ hàng tháng, hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Giải pháp

10 Cơ chế điều hành, tổ chức thực thi

- a) Phát huy vai trò Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử, Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc chỉ đạo phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.
- b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả phát triển Chính phủ số, Chính quyền số tại bộ, ngành, địa phương mình.
- c) Phát huy vai trò Bộ Thông tin và Truyền thông, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc tổ chức, điều phối công tác phát triển Chính phủ số, chuyển đổi số các cấp.
- d) Triển khai Chính phủ số theo hướng từng bước tập trung hóa, phát triển các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số dựa trên nền tảng điện toán đám mây, ưu tiên theo hướng thuê dịch vụ.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN